



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SÔNG LAM**  
Địa chỉ: Tổ 3 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông  
Tel: 0978 948 505 - Email: Cty.songlamnghean@gmail.com

**HỒ SƠ THIẾT KẾ  
BÀN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG**

**(BẢ CHỈNH SỬA THEO KQTB SỐ /KQTB-KT NGÀY / 2026 CỦA PHÒNG KINH TẾ XÃ QUẢNG KHÊ)**  
**CÔNG TRÌNH: ĐOẠN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THƠN ĐẮK LANG ĐOẠN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỢNG**  
**ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ QUẢNG KHÊ, TỈNH LÂM ĐỒNG**  
**CHỦ ĐẦU TƯ: PHÒNG KINH TẾ XÃ QUẢNG KHÊ**  
**ĐƠN VỊ LẬP: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SÔNG LAM**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ**  
**PHÒNG KINH TẾ**  
**ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

**CHỦ ĐẦU TƯ**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**



CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THƠN ĐẶK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỢNG  
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ QUẢNG KHÊ, TỈNH LẠM ĐỒNG

MỤC LỤC BẢN VẼ

| STT | HÀNG MỤC            | SỐ TỜ | KÝ HIỆU BẢN VẼ |
|-----|---------------------|-------|----------------|
| 01  | TRẮC NGANG DÀI DIỆN | 01    | TNBD-01        |
| 02  | BÌNH ĐỒ TỔNG THỂ    | 01    | BDTT           |
| 03  | BÌNH ĐỒ TUYẾN       | 08    | BD-01 :- BD-08 |
| 04  | TRẮC DỌC TUYẾN      | 06    | TD-01 :- TD-06 |
| 05  | TRẮC NGANG TUYẾN    | 25    | TD-01 :- TD-25 |
| 06  | TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG | 03    | THKL-03        |



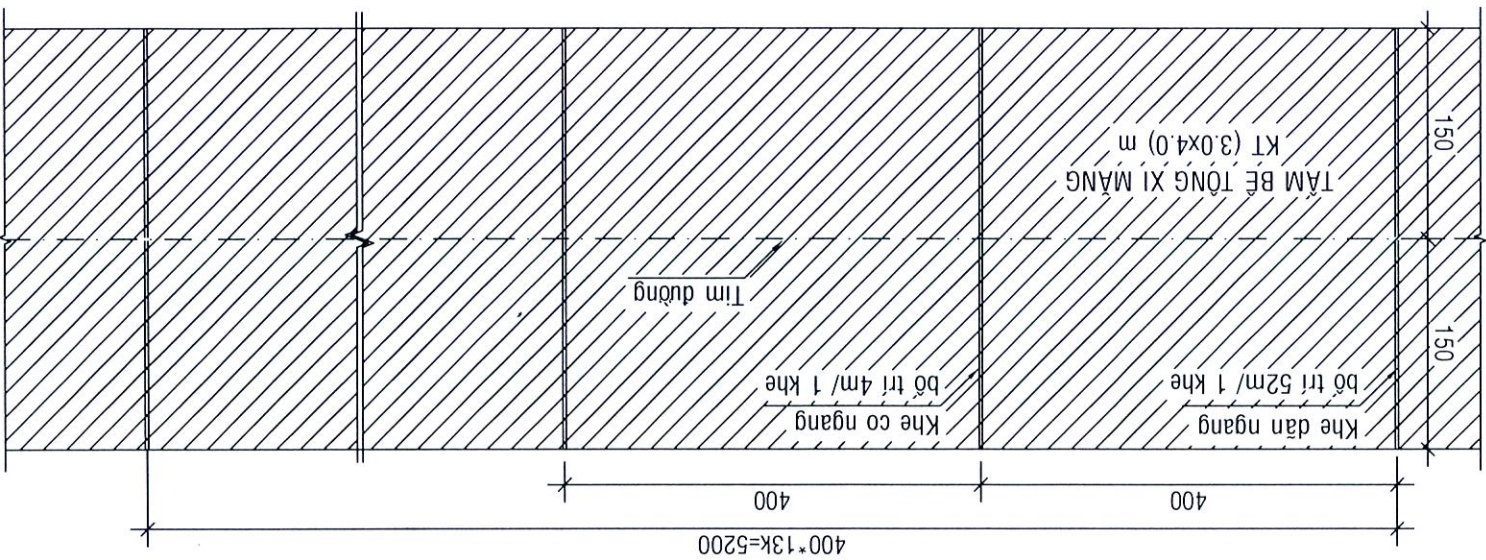
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# TRẠC NGANG ĐÀI DIỆN

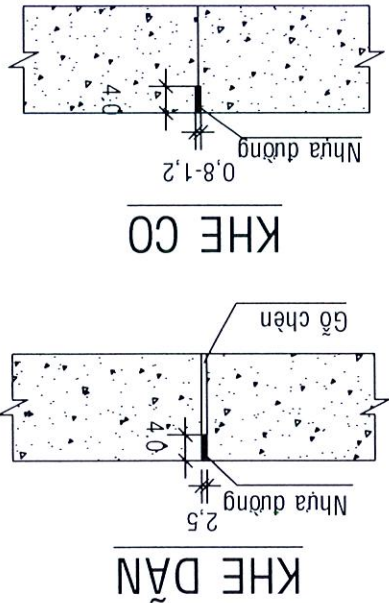
LÀM ĐỒNG - NĂM 2026



|                  |                               |                  |                              |         |          |          |                  |                                                               |                                        |                  |       |       |         |
|------------------|-------------------------------|------------------|------------------------------|---------|----------|----------|------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|-------|-------|---------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH | PHÒNG KINH TẾ<br>XÃ QUẢNG KHÊ | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: | CÔNG TY CP BT XD TM SÔNG LAM | CHỦ TRÌ | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THÔN ĐẮK LANG ĐOÀN TỰ ĐẦU ĐỐC | ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG | NỘI DUNG BẢN VẼ: | TỈ LỆ | 1/100 | TNDD-01 |
|------------------|-------------------------------|------------------|------------------------------|---------|----------|----------|------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|-------|-------|---------|



MẶT BẰNG KHE CO DẶN



KHE CO

KHE DẶN

GHI CHÚ:

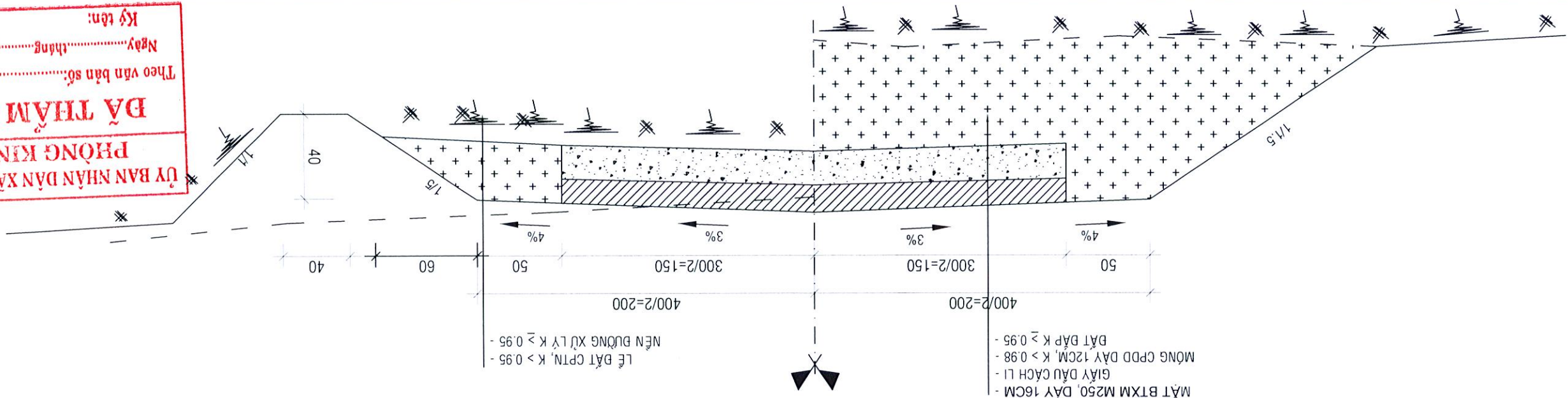
- + KHE CO NGANG TUYẾN BỜ TRÍ 4M/1KHE VÀ 13 KHE CO THÌ BỜ TRÍ 1 KHE DẶN.
- + KHE CO ĐỐC KHÔNG BỜ TRÍ
- + KÍCH THUỐC BẢN VẼ GHI ĐƠN VỊ CM

- Cấp đường thiết kế :  
+ Cấp đường thiết kế: Đường GTNT loại B
- Kết cấu mặt đường thiết kế :  
+ Mặt đường BTXM M250, dày 16cm  
+ Giấy dầu cách li  
+ Móng CPDD dày 12cm, K > 0.98  
+ Lê đất CPTN, K > 0.95  
+ Nền đường xử lý K ≥ 0.95
- Nền đường rộng: B=4.0m (Đoạn thẳng)  
+ Chiều rộng mặt đường : Bm=3.0m  
+ Chiều rộng lề đường : Bll=2bên x 0.5m  
+ Độ dốc ngang mặt đường: i=3%  
+ Độ dốc ngang nền đường: i=4%  
IV) Kích thước trong bản vẽ ghi là : cm.

THUYẾT MINH :

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH  
ĐOÀN THẲNG



1/2 NỀN ĐẬP

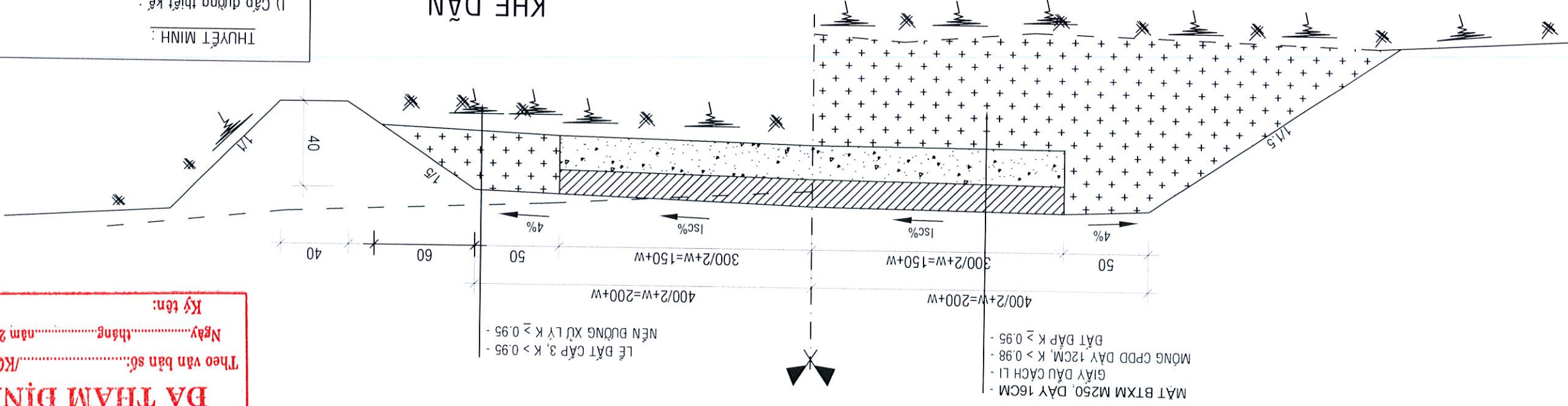
1/2 NỀN ĐẠO



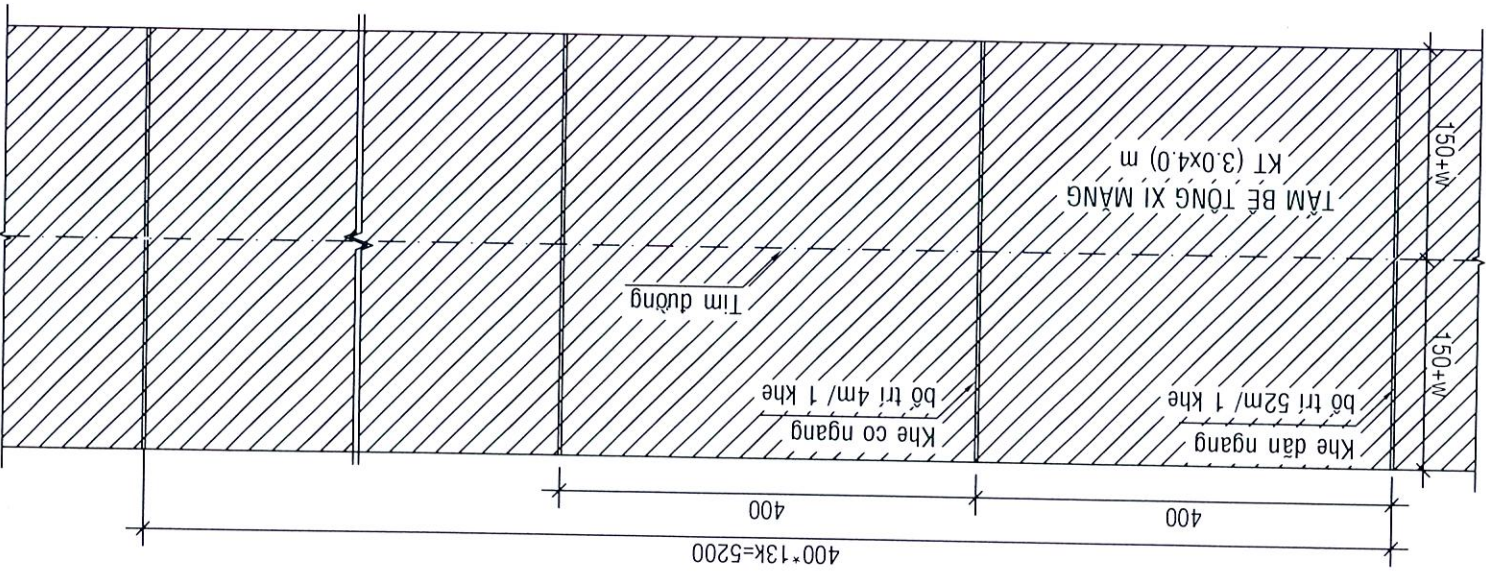
CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH  
ĐOÀN CONG

1/2 NỀN ĐẬP

1/2 NỀN ĐÀO

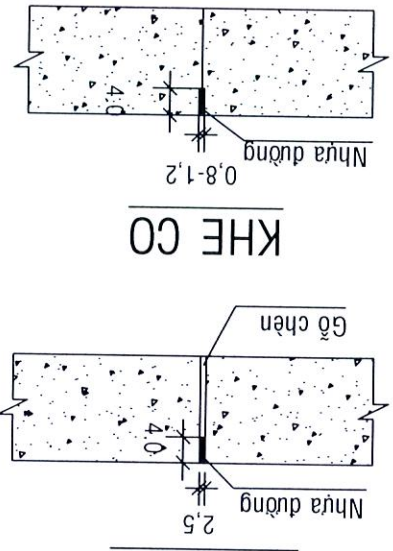


MẶT BẰNG KHE CO DẶN



KHE DẶN

KHE CO



GHI CHÚ:

- + KHE CO NGANG TUYẾN BỜ TRẢI 4M/1KHE VÀ 13 KHE CO THÌ BỜ TRẢI 1 KHE DẶN.
- + KHE CO DỌC KHÔNG BỜ TRẢI
- + KÍCH THUỐC BẰN VẼ GHI ĐƠN VỊ CM

- I) Cấp đường thiết kế : Đường GTNT loại B
- + Cấp đường thiết kế : Đường GTNT loại B
- II) Kết cấu mặt đường thiết kế :
- + Mặt đường BTXM M250, dày 16cm
- + Giấy dầu cách li
- + Móng CPDD dày 12cm, K > 0.98
- + Lê đất CPTN, K > 0.95
- + Nền đường xử lý K ≥ 0.95
- III) Nền đường rộng: B=4.0m + w (đoạn cong)
- + Chiều rộng mặt đường : Bm=3.0m + w
- + Chiều rộng lề đường : Bli=2bên x 0.5m
- + Độ dốc ngang mặt đường: i=isc
- + Độ dốc ngang nền đường: i=4%
- IV) Kích thước trong bản vẽ ghi là : cm.

THUYẾT MINH:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

|                   |                                                                       |                  |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH: | PHÒNG KINH TẾ                                                         | XÃ QUẢNG KHÊ     |
| CHỦ ĐẦU TƯ:       | PHÒNG KINH TẾ                                                         | XÃ QUẢNG KHÊ     |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:  | CÔNG TY CPĐT XD TM SÔNG LAM                                           | SÔNG LAM         |
| CHỦ TRÌ:          | THIẾT KẾ                                                              | THIẾT KẾ         |
| THỂ HIỆN:         | QUẢN LÝ KỸ THUẬT                                                      | QUẢN LÝ KỸ THUẬT |
| DIA ĐIỂM:         | XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG                                          | NỘI DUNG BẢN VẼ: |
| CÔNG TRÌNH:       | ĐOÀN ĐƯỜNG DỌC SINH THOÀN ĐÀK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỜNG | TỈ LỆ            |
|                   |                                                                       | 1/100            |
|                   |                                                                       | TNBD-02          |



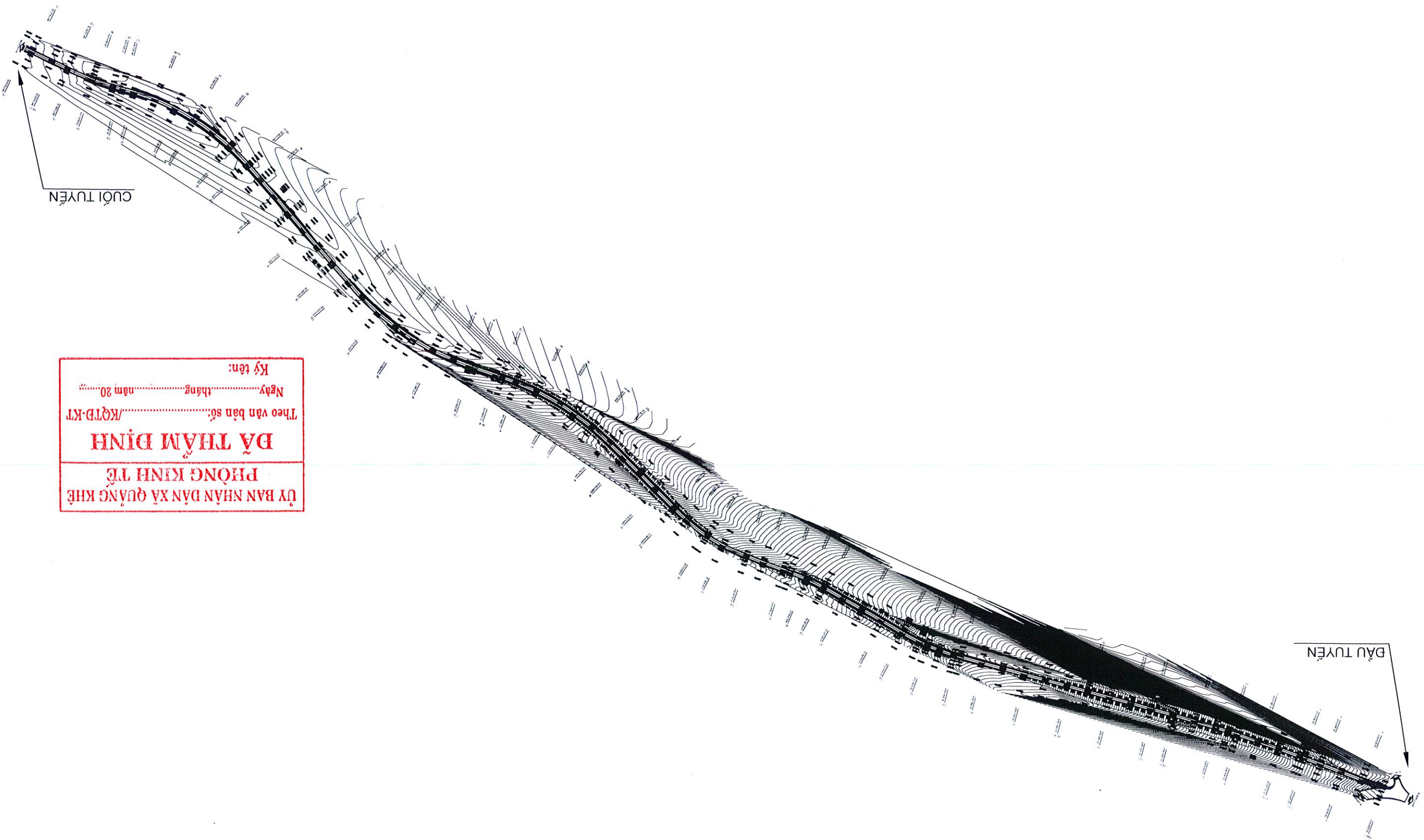
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BÌNH ĐỒ TUYẾN

LÀM ĐỒNG - NĂM 2026



**BÌNH ĐỒ TỔNG THỂ**  
CHIỀU DÀI TUYẾN: L= 1429.62M



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
**ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản số: ...../KQ.TĐ-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20....  
Ký tên:

|                               |                               |                              |          |         |          |          |                  |                                                                                  |  |                                        |  |
|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------|---------|----------|----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------|--|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH              | CHỦ ĐẦU TƯ                    | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:             | GIÁM ĐỐC | CHỦ TRÌ | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | CỘNG TRỊNH: ĐOÀN BƯỜNG ĐỐC SINH THỒN ĐẮK LANG ĐOÀN TỰ ĐẤU ĐỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỢNG |  | ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG |  |
| PHÒNG KINH TẾ<br>XÃ QUẢNG KHÊ | PHÒNG KINH TẾ<br>XÃ QUẢNG KHÊ | CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM |          |         |          |          |                  |                                                                                  |  |                                        |  |
|                               |                               | SÔNG LAM                     |          |         |          |          |                  |                                                                                  |  |                                        |  |



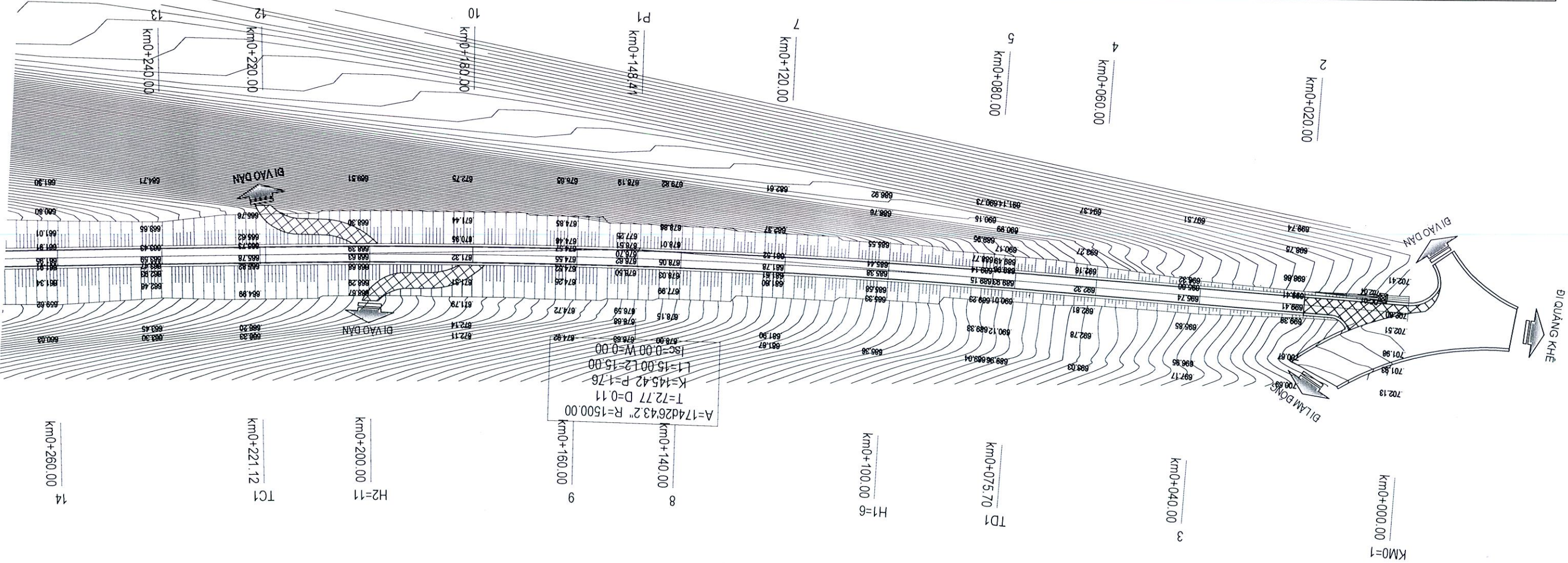


ĐẦU TUYẾN

BÌNH ĐỒ TUYẾN

Tỷ lệ: 1/1000

ĐI CUI TUYẾN



**BẢNG CHỮ THÍCH**

- Điểm GPS
- Điểm đường chuyên
- Mốc lộ giới
- Đỉnh tuyến
- Cọc Km
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện cao thế
- Đường dây điện thoại

- Nhà dân
- Công tròn, công bản
- Tường rào
- Tường rào B40
- Cà phê
- Đường đất
- Hướng nước chảy

|    |       |           |            |        |
|----|-------|-----------|------------|--------|
| TT | Cọc   | X         | Y          | Z      |
| 1  | DC-01 | 503232.01 | 1315531.00 | 702.04 |
| 2  | DC-02 | 502753.83 | 1315501.37 | 678.36 |
| 3  | DC-03 | 502159.67 | 1315596.99 | 724.42 |

Bảng tọa mốc

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ**

**PHÒNG KINH TẾ**

**ĐÃ THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: ...../KQTD-KT

Ngày: .....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

|                  |               |                              |                                               |          |          |                  |                                                                                  |
|------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|----------|----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH | CHỦ ĐẦU TƯ    | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:             | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ TRÁI SÔNG LAM | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | NỘI DUNG BẢN VẼ:                                                                 |
| PHÒNG KINH TẾ    | PHÒNG KINH TẾ | CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM | CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM                  | CHỦ TRÌ  | THIẾT KẾ | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG                                           |
| XÃ QUẢNG KHÊ     | XÃ QUẢNG KHÊ  |                              |                                               |          |          |                  | CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THÔN ĐẮK LANG ĐOÀN TỰ ĐẦU ĐỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỜNG |







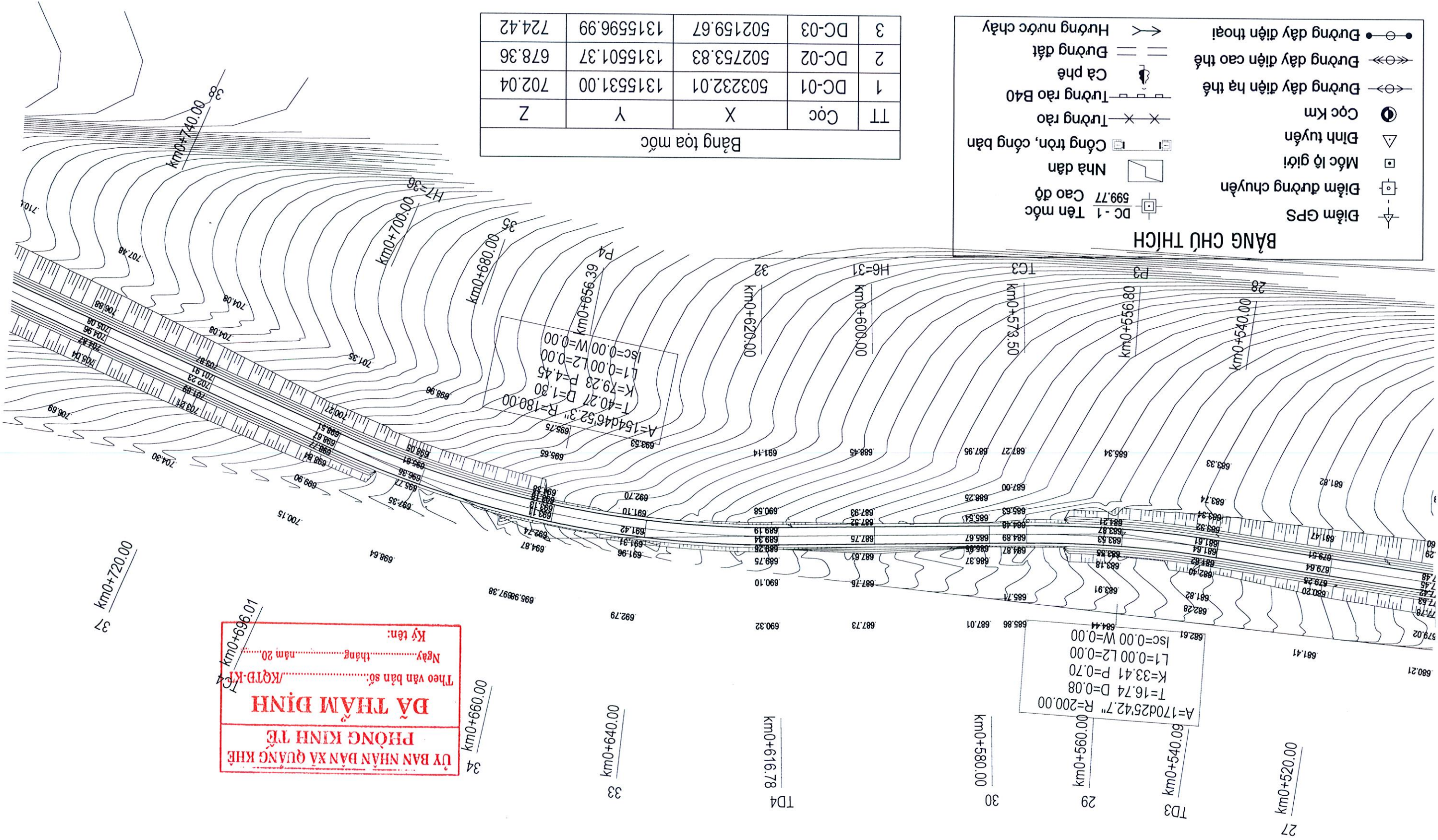
BI ĐẦU TUYẾN

BÌNH ĐỒ TUYẾN

Tỷ lệ: 1/1000

BI CUỐI TUYẾN

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÀ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày: ..... tháng ..... năm 20.....  
Ký tên: .....



**BẢNG CHỮ THÍCH**

|                      |               |                       |                        |                      |                       |                        |                        |
|----------------------|---------------|-----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Điểm GPS             | Đường chuyên  | Mốc lộ giới           | Đỉnh tuyến             | Cọc Km               | Đường dây điện hạ thế | Đường dây điện cao thế | Đường dây điện thoại   |
| ĐC - 1 Tên mốc       | 599.77 Cao độ | Nhà dân               | Công trôn, công bản    | Tường rào            | Tường rào B40         | Cà phê                 | Đường đất              |
| Đường dây điện thoại | Đường đất     | Đường dây điện hạ thế | Đường dây điện cao thế | Đường dây điện thoại | Đường đất             | Đường dây điện hạ thế  | Đường dây điện cao thế |

Bảng tọa mốc

|    |       |           |            |        |
|----|-------|-----------|------------|--------|
| TT | Cọc   | X         | Y          | Z      |
| 1  | DC-01 | 503232.01 | 1315531.00 | 702.04 |
| 2  | DC-02 | 502753.83 | 1315501.37 | 678.36 |
| 3  | DC-03 | 502159.67 | 1315596.99 | 724.42 |

|                                                                                   |                  |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH                                                                  | PHÒNG KINH TẾ    | XÃ QUẢNG KHÊ     |
| CHỦ ĐẦU TƯ                                                                        | PHÒNG KINH TẾ    | XÃ QUẢNG KHÊ     |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:                                                                  | GIÁM ĐỐC         | CHỦ TRÌ          |
| THIẾT KẾ                                                                          | THIẾT KẾ         | THIẾT KẾ         |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT                                                                  | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | QUẢN LÝ KỸ THUẬT |
| CÔNG TRÌNH: ĐOẠN ĐƯỜNG ĐỐC SĨNH THÔN ĐẮK LANG ĐOẠN TỪ ĐẦU ĐỐC ĐẾN NHÀ ĐỒNG NHƯỜNG |                  |                  |
| ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ- TỈNH LÂM ĐỒNG                                             |                  |                  |
| MÔI DUNG BẢN VẼ:                                                                  |                  |                  |
| TỈ LỆ                                                                             | 1/100            | TKKT             |
| BD-03                                                                             |                  |                  |





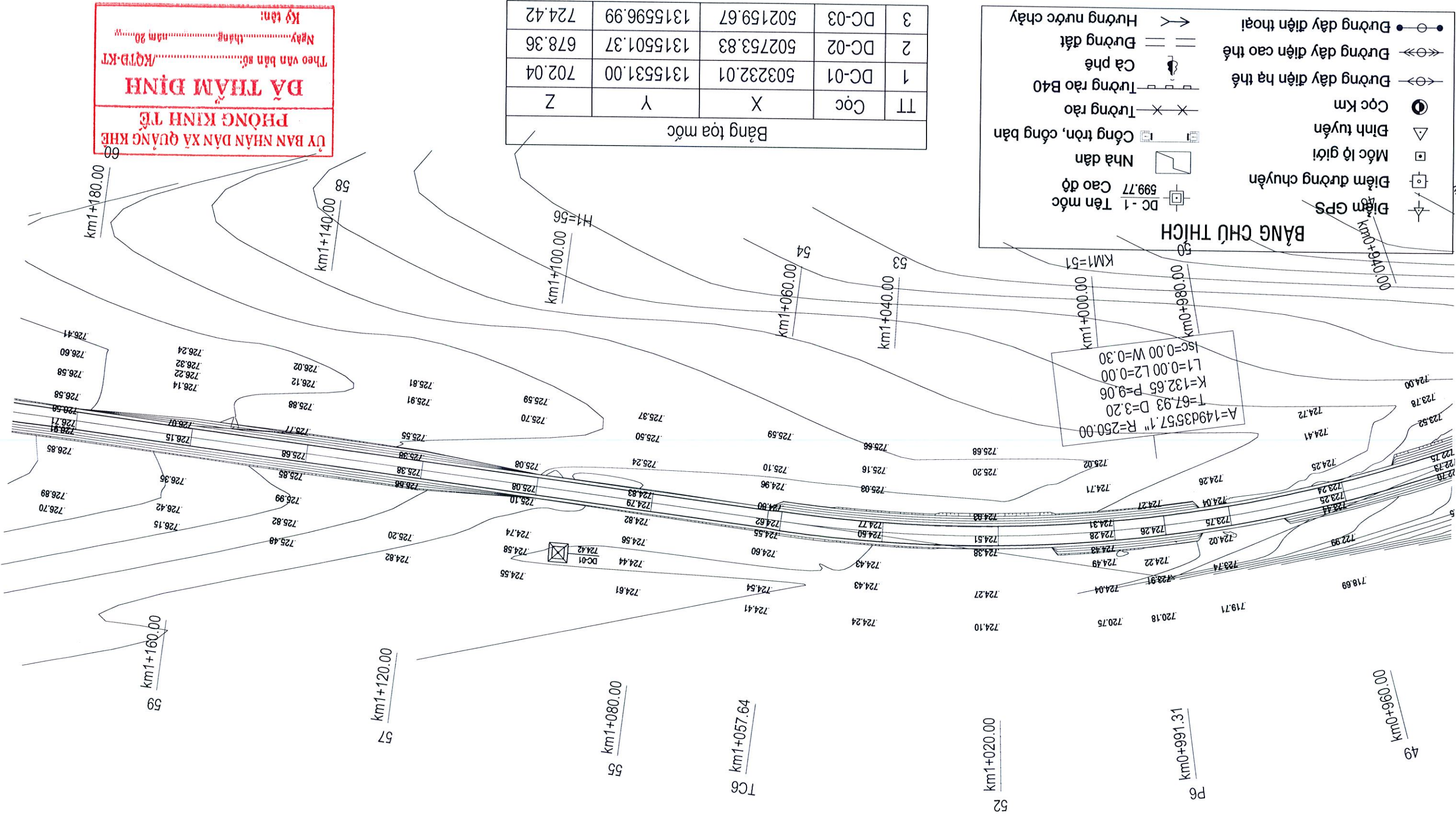


BI ĐẦU TUYẾN

BÌNH ĐỒ TUYẾN

Tỷ lệ: 1/1000

BI CÚOI TUYẾN



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày: .....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

|                               |                               |                                                                                                                 |          |         |          |          |                  |                                                                                  |                  |               |
|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|----------|----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH              | CHỦ ĐẦU TƯ                    | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:                                                                                                | GIÁM ĐỐC | CHỦ TRÌ | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG                                           | NỘI DUNG BẢN VẼ: | BÌNH ĐỒ TUYẾN |
| PHÒNG KINH TẾ<br>XÃ QUẢNG KHÊ | PHÒNG KINH TẾ<br>XÃ QUẢNG KHÊ | CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM<br>CƠ PHÂN<br>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG<br>THƯỜNG KIỆT<br>SÔNG LAM<br>TÔN VINH GIẢI TRÍ VIỆT | GIÁM ĐỐC | CHỦ TRÌ | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | CÔNG TRÌNH: ĐOẠN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THỒN BẮC LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU ĐỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯÔNG |                  |               |

Địa chỉ: Tổ 3, Phường Nghĩa Đức - TP. Bình Hòa - Tỉnh Bình Định







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# TRẮC DỌC TUYỂN

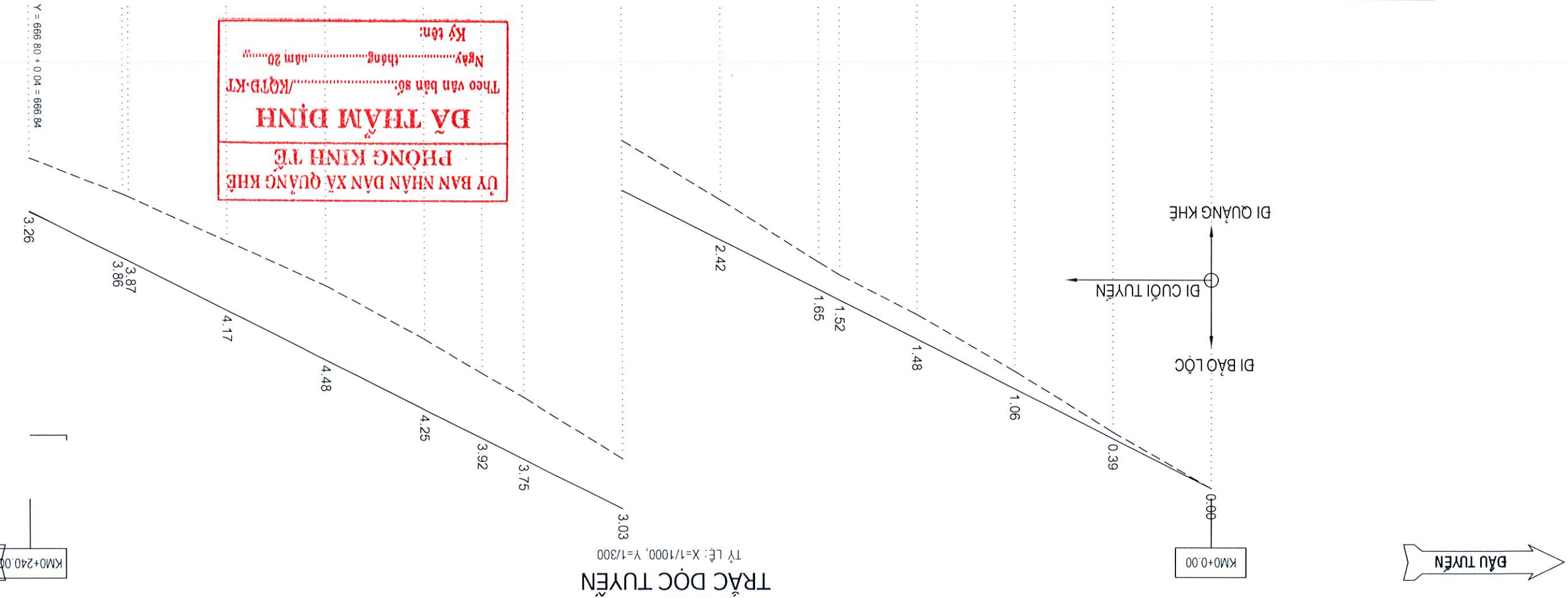
LÀM ĐỒNG - NĂM 2026



|                  |  |               |  |                  |  |               |  |              |          |          |                  |                                                                                  |  |                                                      |  |                  |  |       |       |       |  |
|------------------|--|---------------|--|------------------|--|---------------|--|--------------|----------|----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------|--|------------------|--|-------|-------|-------|--|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH |  | CHỦ ĐẦU TƯ    |  | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: |  | GIÁM ĐỐC      |  | CHỦ TRÌ      | THIẾT KẾ | THẺ HIỆN | QUẢN LÝ KỸ THUẬT | CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THÔN ĐẮK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU ĐỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỜNG |  | ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ- TỈNH LÀM ĐỒNG                |  | NỘI DUNG BẢN VẼ: |  | TỈ LỆ | 1/100 | TR-01 |  |
| XÃ QUẢNG KHÊ     |  | PHÒNG KINH TẾ |  | XÃ QUẢNG KHÊ     |  | PHÒNG KINH TẾ |  | XÃ QUẢNG KHÊ |          | SÔNG LAM |                  | CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM                                                     |  | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯỜNG KIỆT SÔNG LAM |  | SÔNG LAM         |  |       |       |       |  |

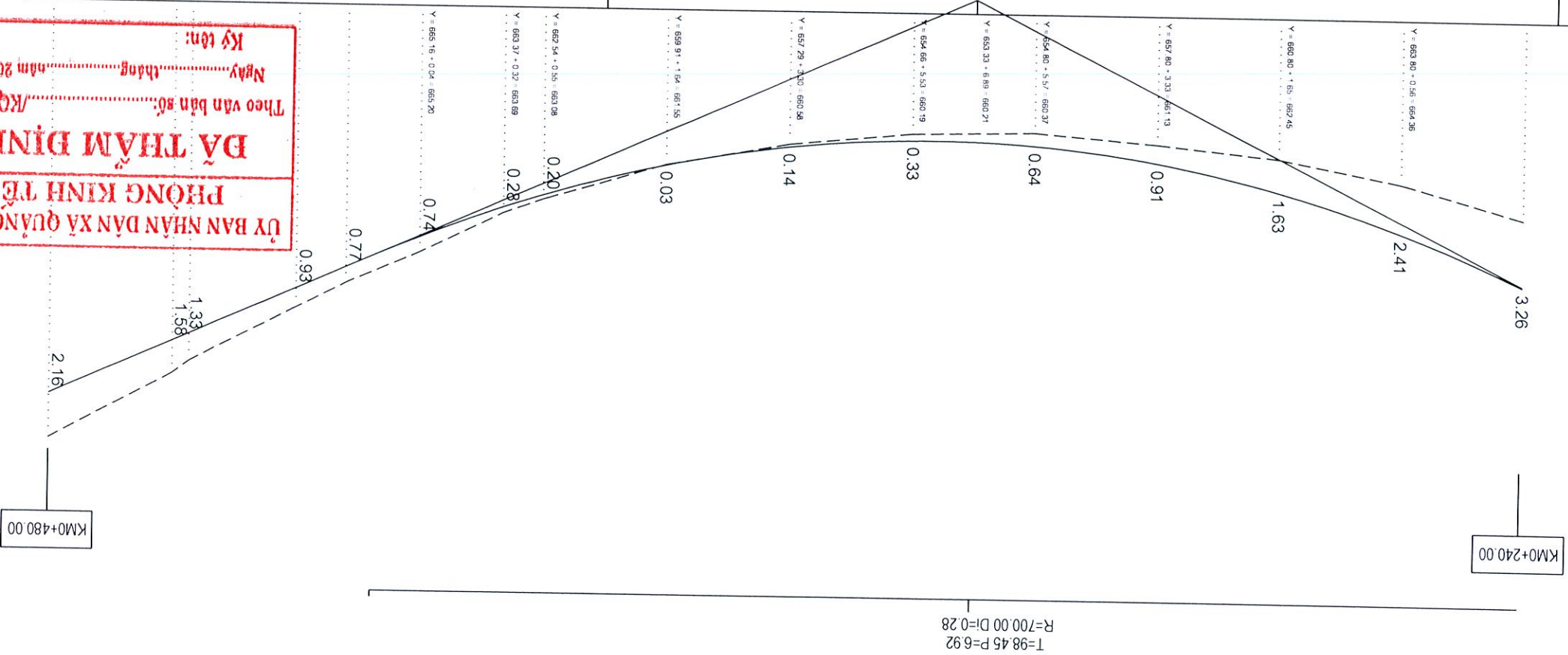
| TÊN CỐC | KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN | KHOẢNG CÁCH LỆ | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN  | CAO ĐỘ THIẾT KẾ  | ĐỘ DỐC THIẾT KẾ | RÀNH DỐC PHẢI | RÀNH DỐC TRÁI |
|---------|----------------------|----------------|------------------|------------------|-----------------|---------------|---------------|
| KM0+1   | 0.00                 | 20.00          | 702.80           | 702.80           |                 |               |               |
| 2       | 20.00                | 20.00          | 699.41           | 699.80           |                 |               |               |
| 3       | 40.00                | 20.00          | 695.74           | 696.80           |                 |               |               |
| 4       | 60.00                | 15.70          | 692.32           | 693.80           |                 |               |               |
| 5       | 75.70<br>80.00       | 4.30           | 689.93<br>689.15 | 691.45<br>690.80 |                 |               |               |
| H1=6    | 100.00               | 20.00          | 685.38           | 687.80           |                 |               |               |
| 7       | 120.00               | 20.00          | 681.78           | 684.80           |                 |               |               |
| 8       | 140.00               | 8.41           | 678.05           | 681.80           |                 |               |               |
| P1      | 148.41               | 11.59          | 676.62           | 680.54           |                 |               |               |
| 9       | 160.00               | 20.00          | 674.55           | 678.80           |                 |               |               |
| H2=11   | 200.00               | 20.00          | 668.63           | 672.80           |                 |               |               |
| 12      | 220.00<br>221.12     | 20.00          | 665.94<br>665.78 | 669.80<br>669.63 |                 |               |               |
| TC1     | 240.00               | 18.88          | 663.59           | 666.84           |                 |               |               |
| 13      |                      |                |                  |                  |                 |               |               |

A=174d26'43.2"  
R=1500.00 K=145.42  
T=72.77 P=1.76  
L1=15.00 L2=15.00  
IsC=0.00 W=0.00





| RÀNH DỐC TRÁI | RÀNH DỐC PHẢI | ĐỘ DỐC THIẾT KẾ | CAO ĐỘ THIẾT KẾ | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | KHOẢNG CÁCH LỆ | KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN | TÊN CỌC | LÝ TRÌNH | SƠ HÒA TUYẾN |                                                                                           |
|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------------|---------|----------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| L=176.75m     | L=196.75m     | 13.13%          | 666.84          | 666.13          | 661.95         | 660.82               | 20.00   | 240.00   | 13           | A=165d24'24.5<br>R=200.00 K=50.94<br>T=25.61 P=1.63<br>L1=0.00 L2=0.00<br>isc=0.00 W=0.00 |
|               |               |                 | 666.36          | 662.45          | 660.95         | 660.82               | 20.00   | 260.00   | 14           |                                                                                           |
|               |               |                 | 660.82          | 660.45          | 660.82         | 660.82               | 20.00   | 280.00   | 15           |                                                                                           |
|               |               |                 | 660.22          | 661.13          | 660.22         | 660.22               | 20.00   | 300.00   | H3=16        |                                                                                           |
|               |               |                 | 659.73          | 660.37          | 659.73         | 659.73               | 20.00   | 320.00   | 17           |                                                                                           |
|               |               |                 | 659.86          | 660.19          | 659.86         | 659.86               | 20.00   | 340.00   | 18           |                                                                                           |
|               |               |                 | 660.44          | 660.58          | 660.44         | 660.44               | 20.00   | 360.00   | 19           |                                                                                           |
|               |               |                 | 661.51          | 661.55          | 661.51         | 661.51               | 20.00   | 380.00   | 20           |                                                                                           |
|               |               |                 | 663.29          | 663.08          | 663.29         | 663.29               | 6.35    | 400.00   | H4=21        |                                                                                           |
|               |               |                 | 663.97          | 663.69          | 663.97         | 663.97               | 13.65   | 406.35   | TD2          |                                                                                           |
|               |               |                 | 665.20          | 665.20          | 665.95         | 665.95               | 11.82   | 420.00   | 22           |                                                                                           |
|               |               |                 | 666.71          | 666.71          | 667.48         | 667.48               | 8.18    | 431.82   | P2           |                                                                                           |
|               |               |                 | 667.79          | 667.79          | 668.71         | 668.71               | 17.29   | 440.00   | 23           |                                                                                           |
|               |               |                 | 670.06          | 670.06          | 671.38         | 671.38               | 2.71    | 457.29   | TC2          |                                                                                           |
|               |               |                 |                 |                 |                | 20.00                | 460.00  | 24       |              |                                                                                           |
|               |               |                 |                 |                 |                |                      | 480.00  | 25       |              |                                                                                           |



TV LE:  $X=1/1000$ ,  $Y=1/300$

CUỐI TUẦN

**DẦU TUYÊN**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÉ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày: ..... tháng ..... năm 20...  
Ký tên:

KM0+480.00

KM0+240.00







[illegible]



ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

CHỦ ĐẦU TƯ

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM

CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM

THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ

THỂ HIỆN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THƠN ĐẮK LANG ĐOẠN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯÔNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ- TỈNH LÂM ĐỒNG

MỘT DUNG BẢN VẼ:

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM

CÔNG TY CP ĐT XD TM SÔNG LAM

THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ

THỂ HIỆN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THƠN ĐẮK LANG ĐOẠN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯÔNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ- TỈNH LÂM ĐỒNG

MỘT DUNG BẢN VẼ:

| RÀNH DỐC TRÁI |  | RÀNH DỐC PHẢI |  | ĐỘ DỐC THIẾT KẾ |  | CAO ĐỘ THIẾT KẾ | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | KHÔNG CÁCH LỀ |       | KHÔNG CÁCH CỘNG DỒN |        | TÊN CỐC | LÝ TRÌNH |  | SƠ HÓA TUYẾN |
|---------------|--|---------------|--|-----------------|--|-----------------|-----------------|---------------|-------|---------------------|--------|---------|----------|--|--------------|
|               |  |               |  |                 |  | 723.46          | 723.25          |               |       | 960.00              | 49     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.02          | 723.75          | 20.00         | 11.31 | 980.00              | 50     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.22          | 724.26          | 8.69          |       | 991.31              | P6     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.32          | 724.28          | 20.00         |       | 1000.00             | KM1=51 |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.49          | 724.51          | 20.00         |       | 1020.00             | 52     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.67          | 724.50          | 17.64         |       | 1040.00             | 53     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 724.85          | 724.60          | 20.00         |       | 1057.64             | TC6    |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 725.02          | 724.79          | 20.00         |       | 1080.00             | 55     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 725.20          | 725.08          | 20.00         |       | 1100.00             | H1=56  |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 725.38          | 725.38          | 20.00         |       | 1120.00             | 57     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 725.63          | 725.68          | 20.00         |       | 1140.00             | 58     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 726.15          | 726.15          | 20.00         |       | 1160.00             | 59     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 726.71          | 726.71          | 17.18         |       | 1180.00             | 60     |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 727.18          | 727.11          | 2.82          |       | 1197.18             | TD7    |         |          |  |              |
|               |  |               |  |                 |  | 727.26          | 727.11          |               |       | 1200.00             | H2=61  |         |          |  |              |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ

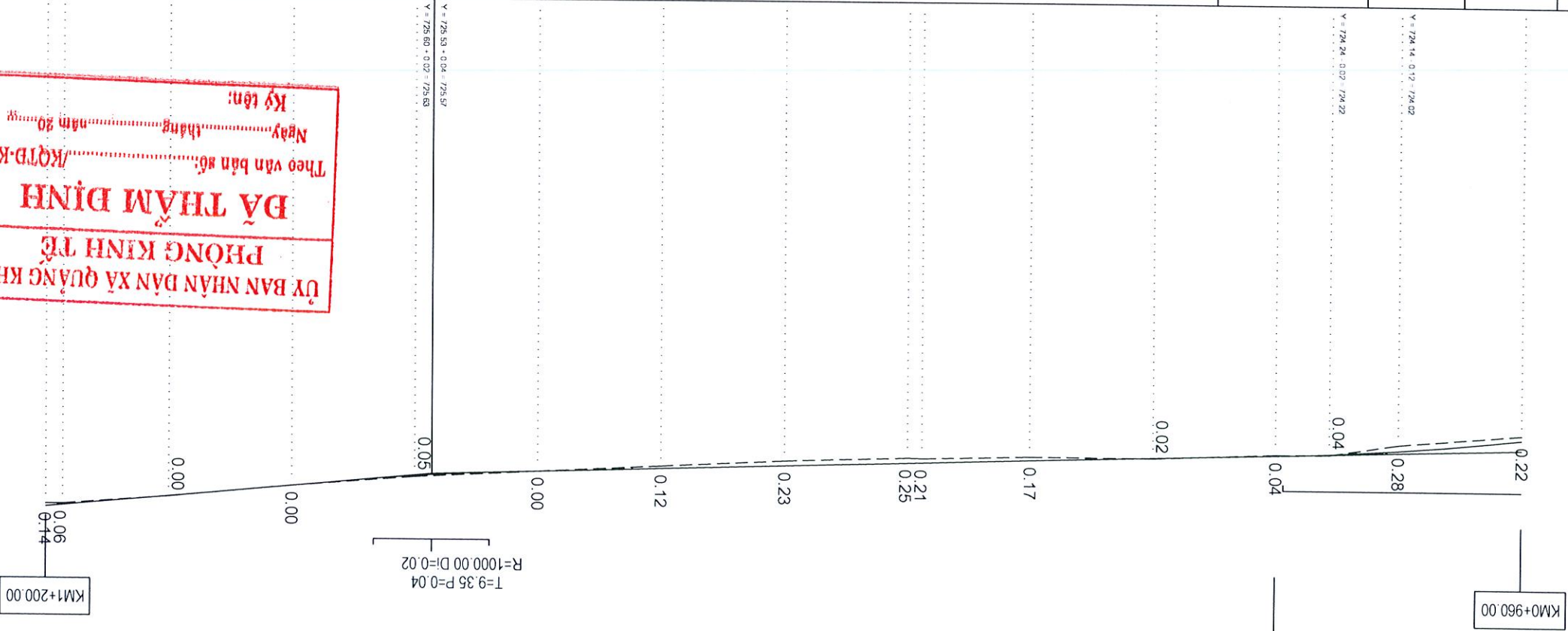
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: /KQTD-KT

Ngày tháng năm 20

Ký tên:





ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

CHỦ ĐẦU TƯ

PHÒNG KINH TẾ

XÃ QUẢNG KHÊ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CP BT XD TM SÔNG LAM

TÊN VINH GIẢ TRỊ VIỆT

CHỦ TRẠI

THIẾT KẾ

THỂ HIỆN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SINH THOÀN ĐẮK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÂM ĐỒNG

NỘI DUNG BẢN VẼ:

| SƠ HÒA TUYẾN | LÝ TRÌNH | TÊN CỐC | KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN | KHOẢNG CÁCH LẺ | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CAO ĐỘ THIẾT KẾ | ĐỘ DỐC THIẾT KẾ | RÀNH DỐC PHẢI | RÀNH DỐC TRÁI |
|--------------|----------|---------|----------------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|
|              | H2       | H2=61   | 1200.00              | 20.00          | 727.11          | 727.26          | 2.75%           | L=42.01m      | L=60.00m      |
|              |          | TD7     | 1220.00              | 20.00          | 727.80          | 727.81          |                 |               |               |
|              |          | 62      | 1240.00              | 20.00          | 728.43          | 728.36          |                 |               |               |
|              |          | 63      | 1260.00              | 4.02           | 728.94          | 728.91          |                 |               |               |
|              |          | P7      | 1280.00              | 15.98          | 729.10          | 729.01          |                 |               |               |
|              |          | 65      | 1300.00              | 20.00          | 729.33          | 729.34          |                 |               |               |
|              |          | H3=66   | 1320.00              | 10.86          | 729.42          | 729.41          |                 |               |               |
|              |          | TD8     | 1330.86              | 4.59           | 729.17          | 729.24          |                 |               |               |
|              |          | 68      | 1335.45              | 4.55           | 728.98          | 729.15          |                 |               |               |
|              |          | TC7     | 1340.00              | 19.82          | 728.83          | 729.04          |                 |               |               |
|              |          | P8      | 1369.82              | 0.19           | 728.51          | 728.41          |                 |               |               |
|              |          | 69      | 1380.00              | 20.00          | 727.50          | 728.41          |                 |               |               |
|              |          | TC8     | 1384.19              | 4.19           | 727.43          | 727.57          |                 |               |               |
|              |          | H4=71   | 1400.00              | 15.81          | 727.16          | 727.40          |                 |               |               |
|              |          | 70      | 1420.00              | 20.00          | 726.46          | 726.73          |                 |               |               |
|              |          | 72      | 1429.62              | 9.62           | 725.78          | 725.88          |                 |               |               |
|              |          | 73      |                      |                | 725.48          | 725.48          |                 |               |               |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ

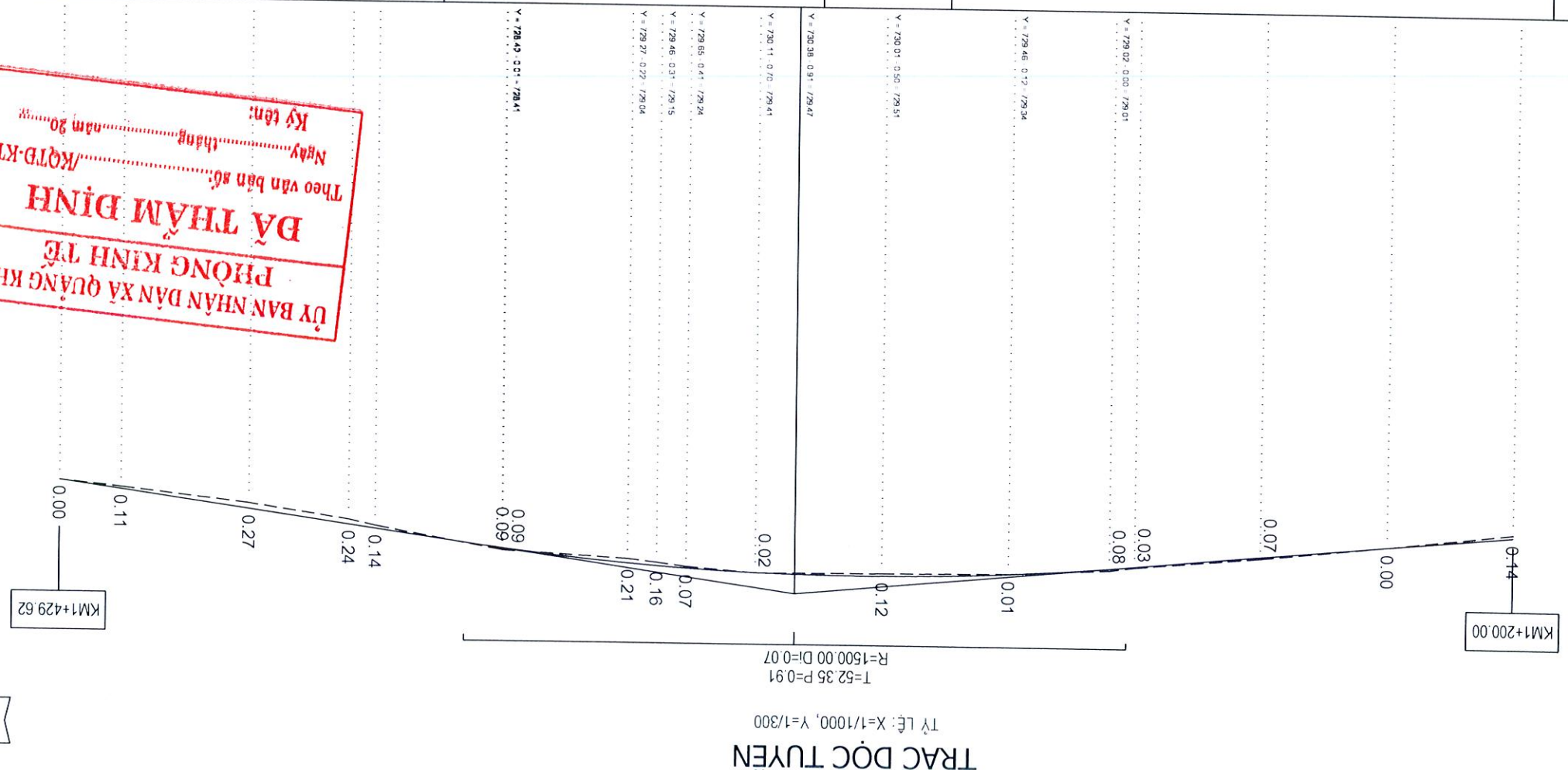
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: /KQTD-KT

Ngày: tháng năm 20

Ký tên:



CUỐI TUYẾN

ĐẦU TUYẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# TRẠC NGANG TUYỂN

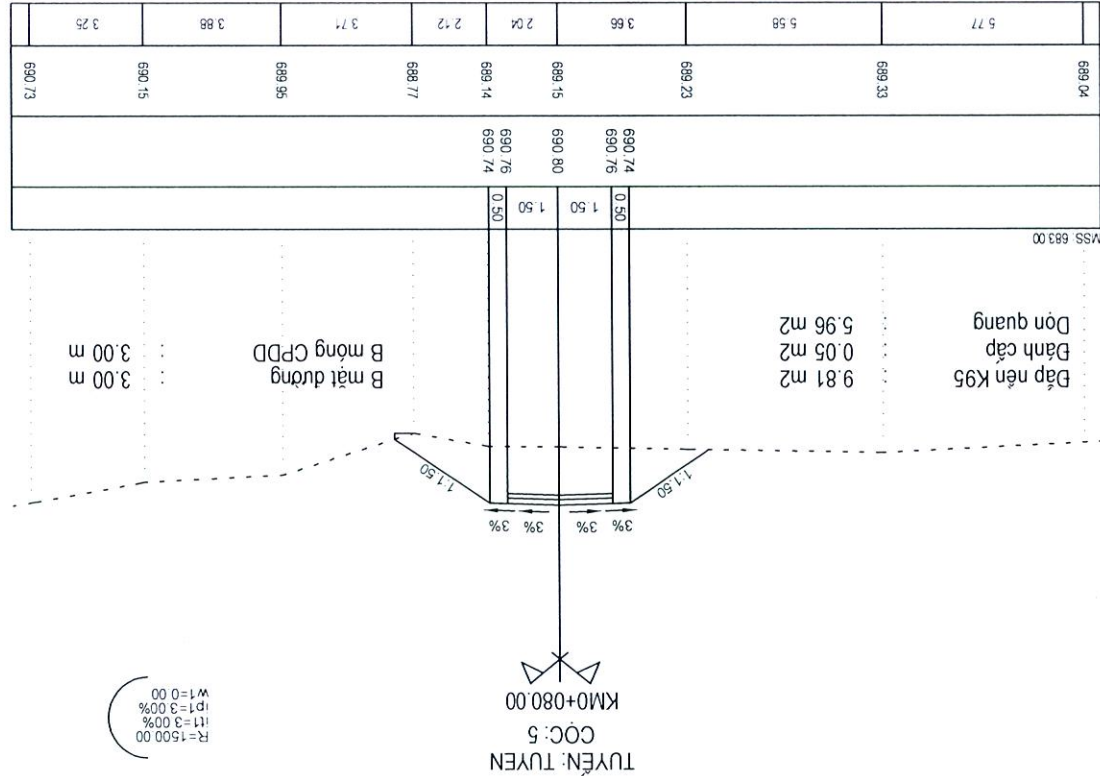
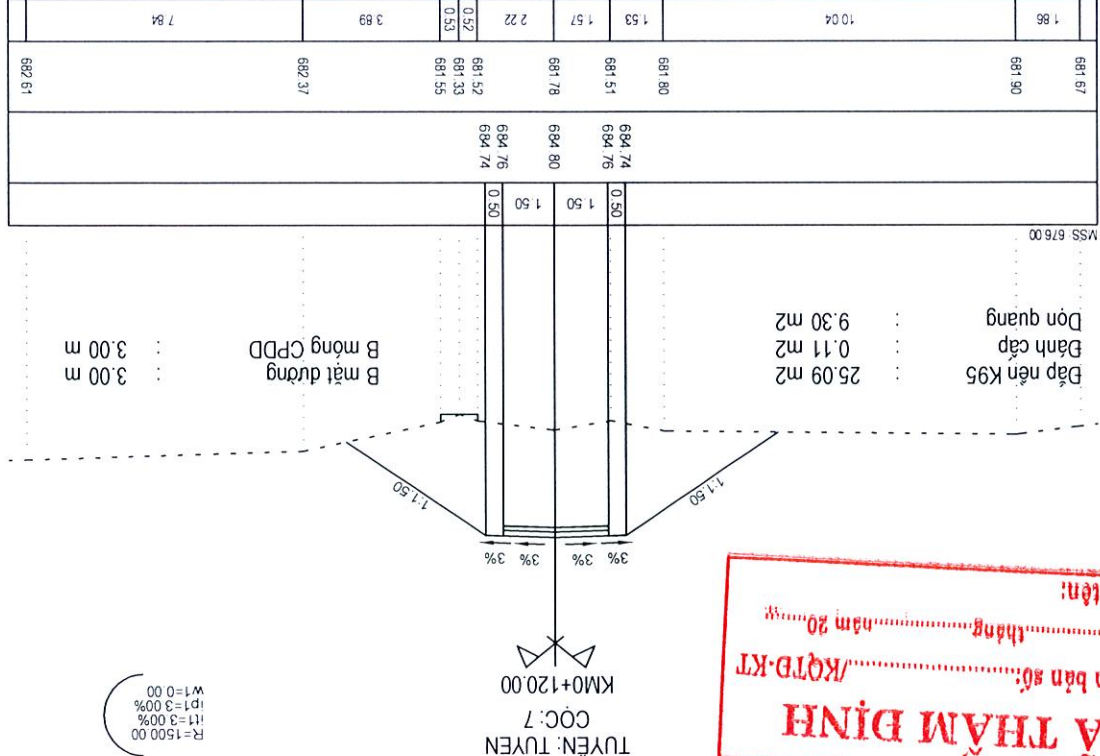
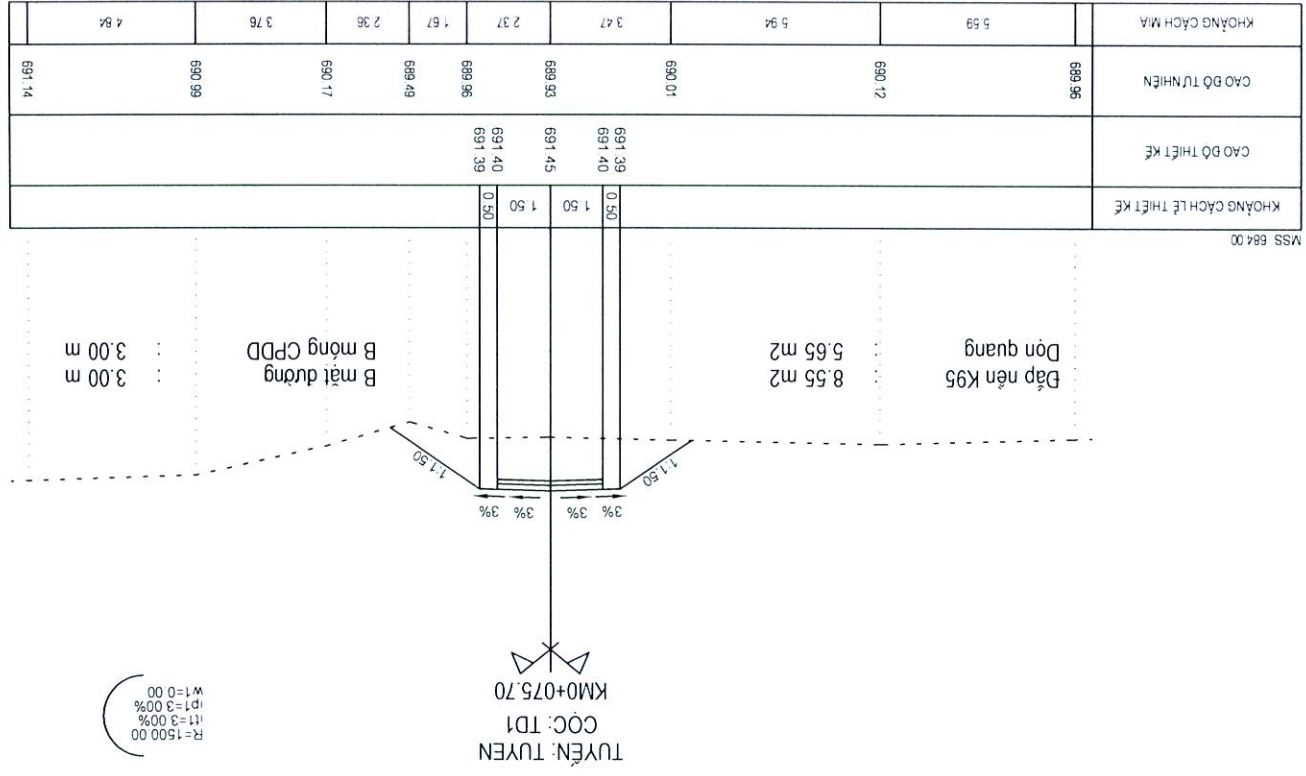
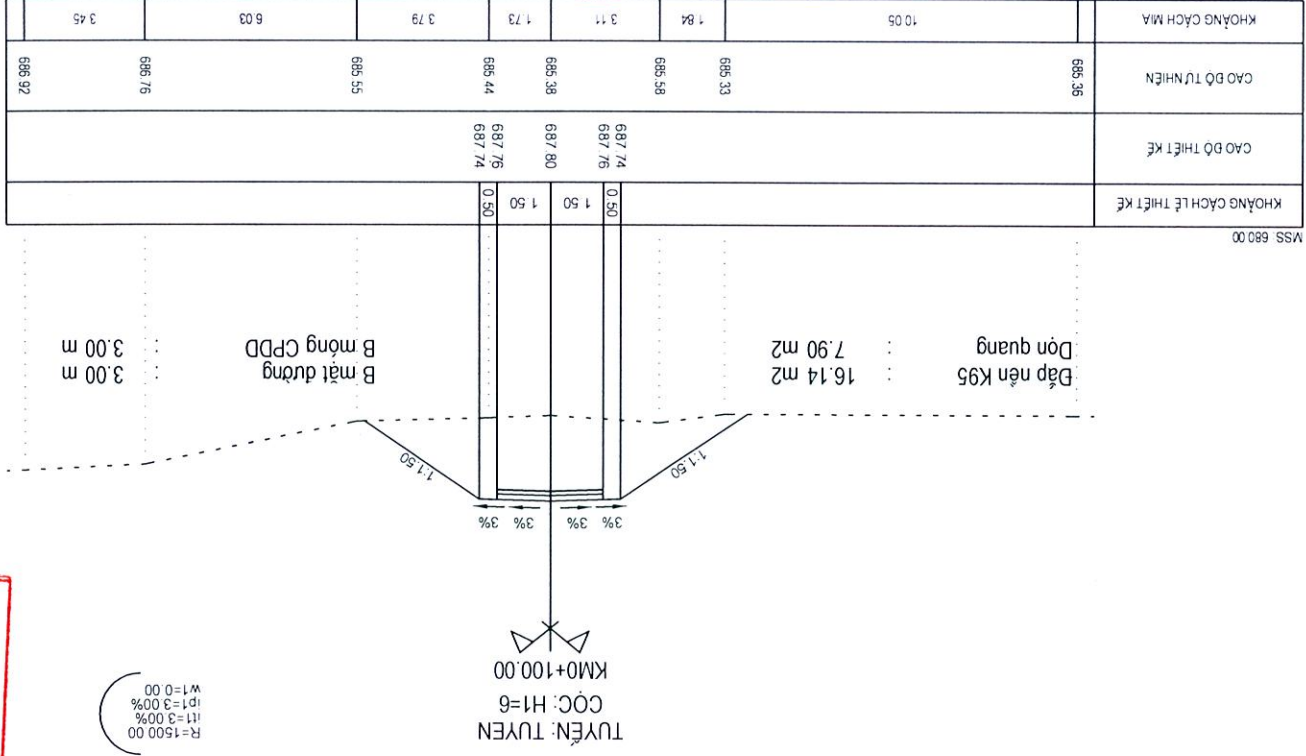
LÀM ĐỒNG - NĂM 2025



TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 4  
KM0+060.00

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 2  
KM0+020.00



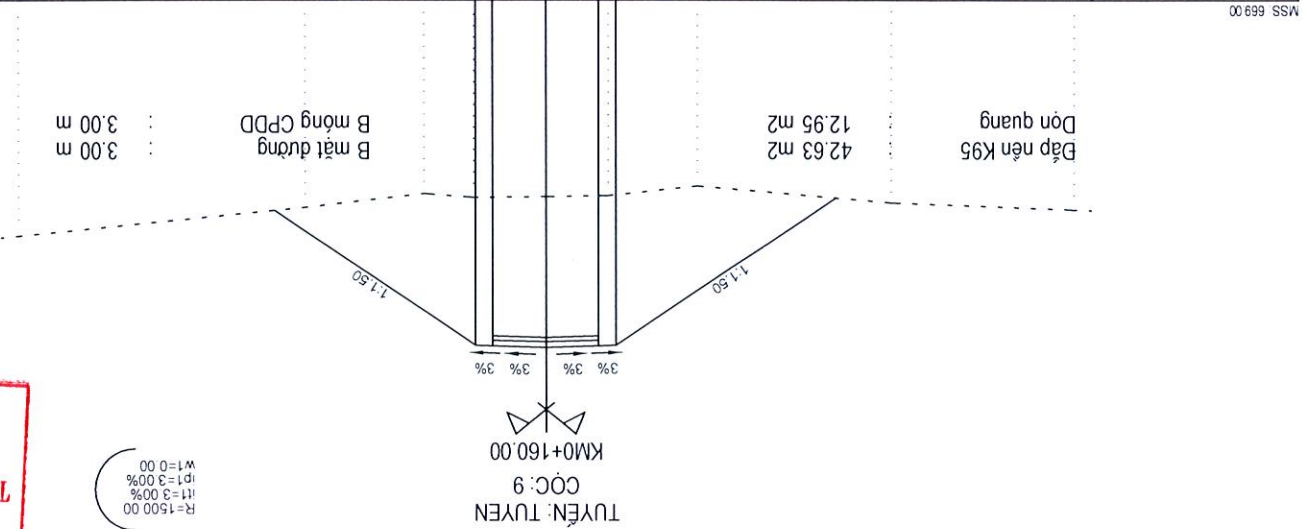
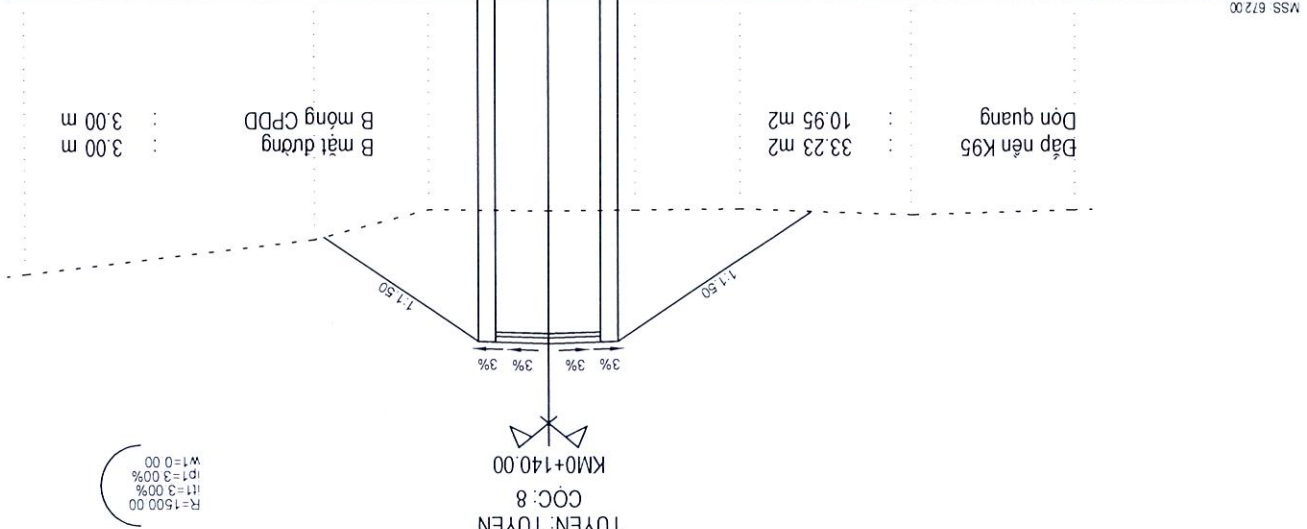


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

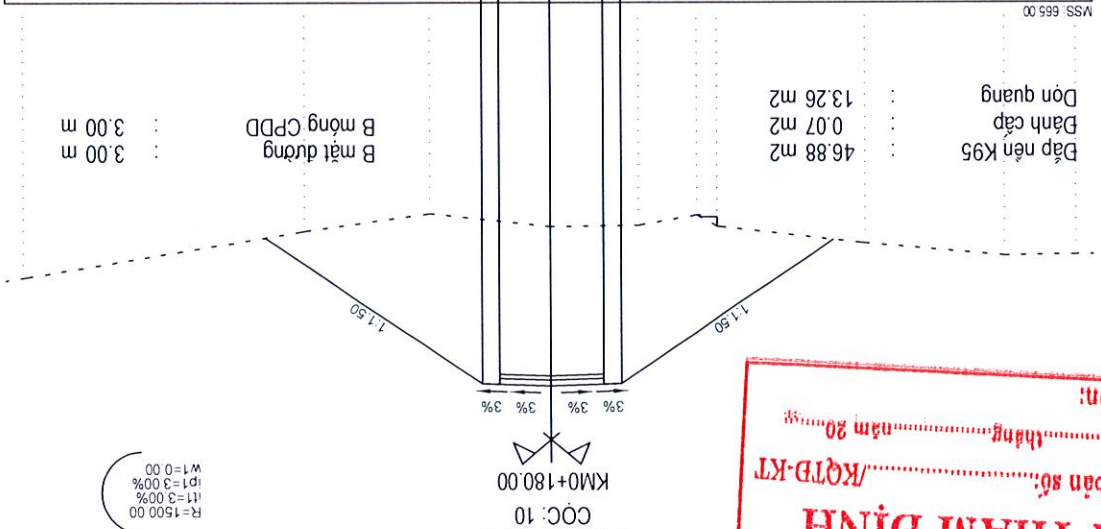




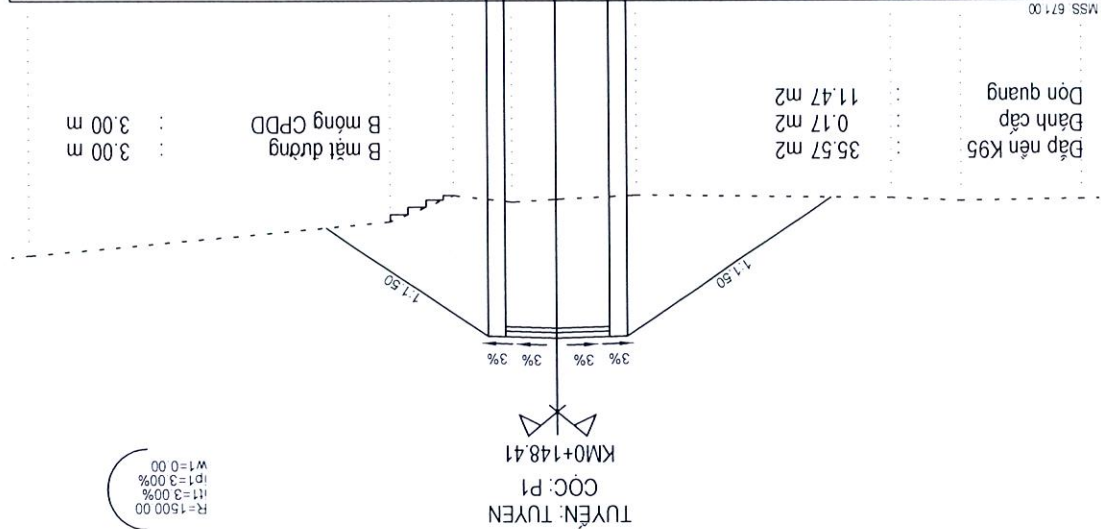
|                         |      |      |                               |                 |         |                 |         |                 |
|-------------------------|------|------|-------------------------------|-----------------|---------|-----------------|---------|-----------------|
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 0.50 | 1.50 | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 | CAO ĐỘ THIẾT KẾ | 6/74.92 | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | 6/74.92 | KHOẢNG CÁCH MIA |
|                         | 0.50 | 1.50 | 6/78.80                       |                 | 6/74.72 |                 | 5.20    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.25 |                 | 5.48    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.52 |                 | 1.78    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.55 |                 | 2.05    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.57 |                 | 1.42    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.46 |                 | 3.35    |                 |
|                         |      |      | 6/78.74<br>6/78.75<br>6/78.74 |                 | 6/74.85 |                 | 8.17    |                 |

[illegible]

|         |         |         |         |         |         |         |      |      |      |      |
|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|------|------|------|------|
| 6/72 11 | 6/71 31 | 6/71 29 | 6/71 32 | 6/75 74 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 2 08    | 6/72 14 | 6/71 79 | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 3 98    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 4 27    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 0 60    | 6/71 31 | 6/71 29 | 6/71 32 | 6/75 74 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 1 86    | 6/71 00 | 6/71 29 | 6/71 32 | 6/75 74 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 2 50    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 3 49    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 3 57    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 7 95    |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
|         |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |
| 6/72 75 |         |         | 6/71 32 | 6/75 80 | 6/75 76 | 6/75 74 | 0 50 | 1 50 | 1 50 | 0 50 |



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số...../KQTB-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

[illegible]



ĐƠN VI THẨM ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM:

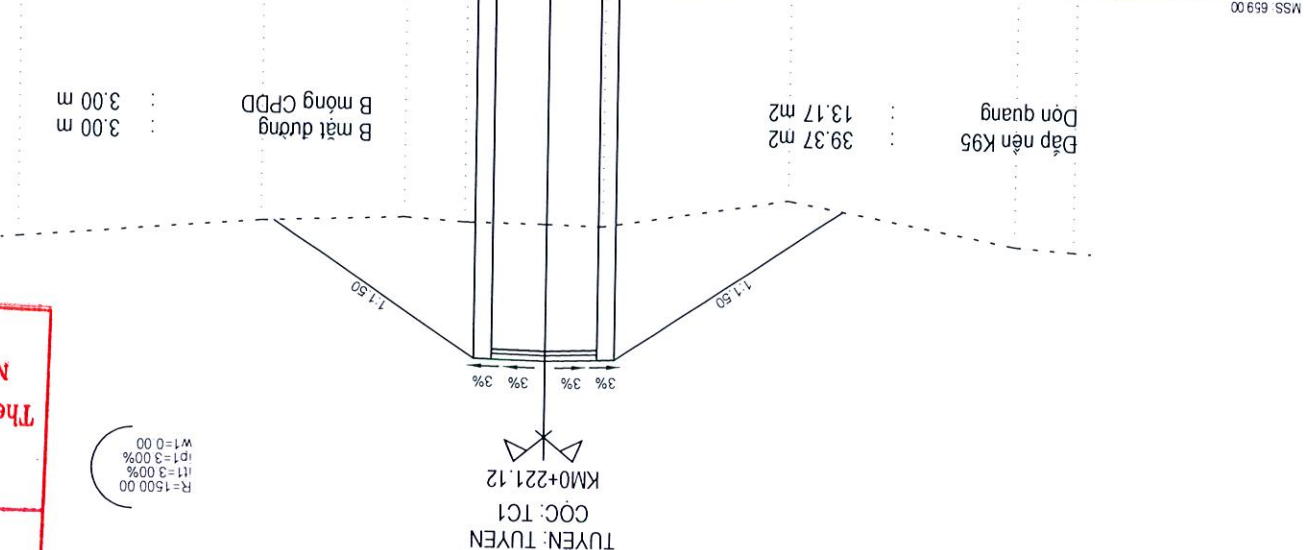
NỘI DUNG BÀN VỀ:

TỈ LỆ

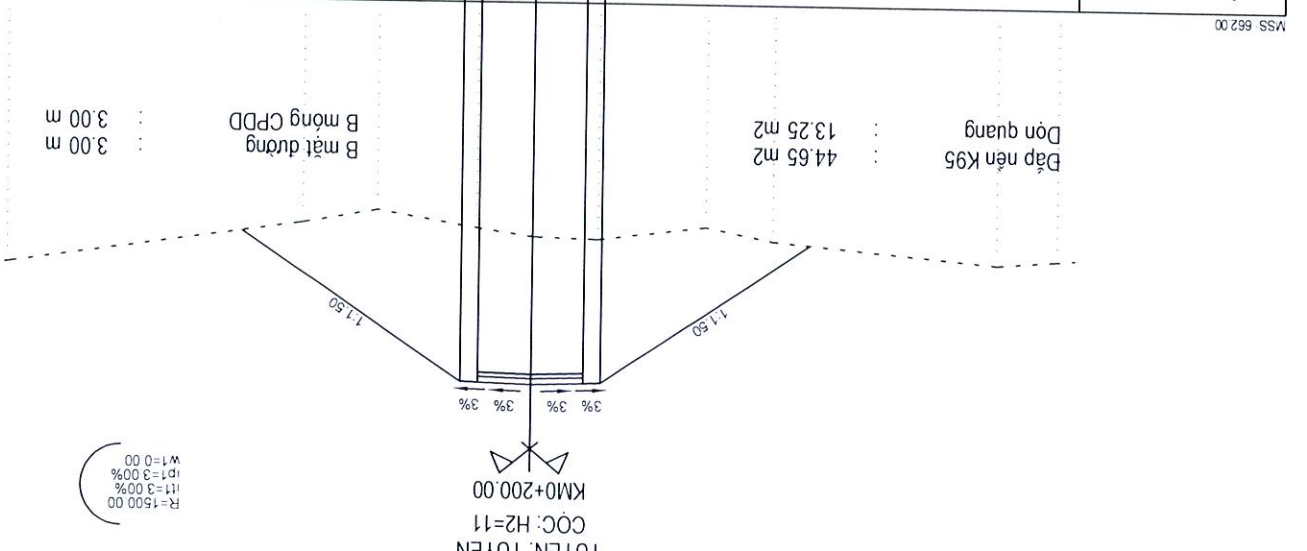
BẢ GHI

MSSP

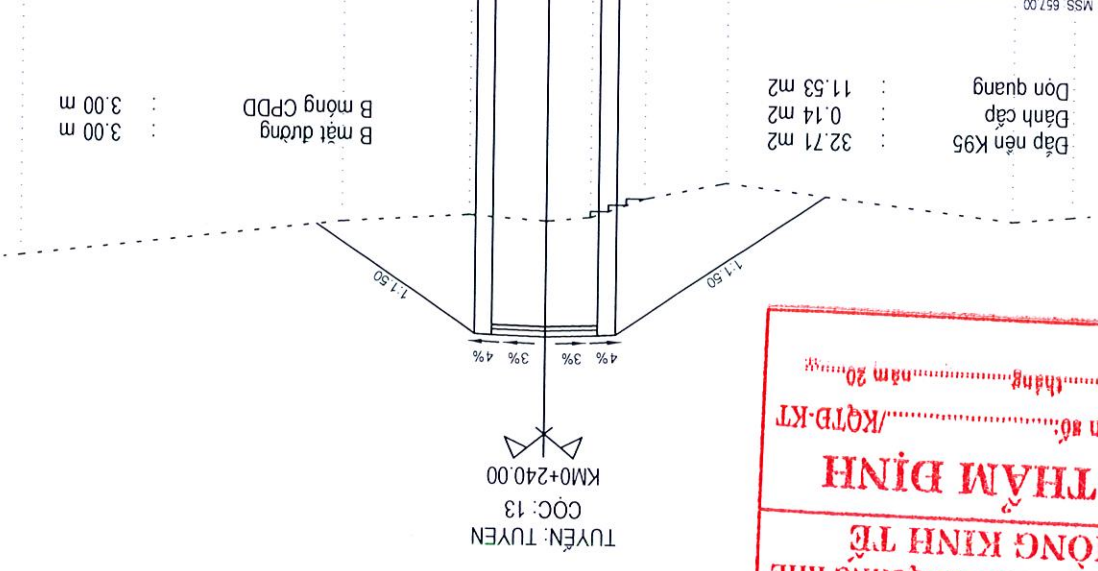
|                                      |                                      |                  |                                                              |
|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ              | CAO ĐỘ THIẾT KẾ                      | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN  | KHOẢNG CÁCH MÀ                                               |
| 669.57<br>669.59<br>669.63<br>669.57 | 669.57<br>669.59<br>669.63<br>669.57 | 666.33<br>666.20 | 1.65<br>6.47<br>5.26<br>1.62<br>2.30<br>1.71<br>4.08<br>6.91 |



|                                      |                                      |                  |                                                                      |
|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ              | CAO ĐỘ THIẾT KẾ                      | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN  | KHOẢNG CÁCH MÀ                                                       |
| 669.74<br>672.76<br>672.80<br>672.74 | 669.68<br>669.63<br>669.39<br>669.30 | 669.12<br>669.25 | 1.72<br>6.39<br>1.93<br>3.07<br>1.89<br>1.57<br>2.84<br>2.13<br>8.46 |

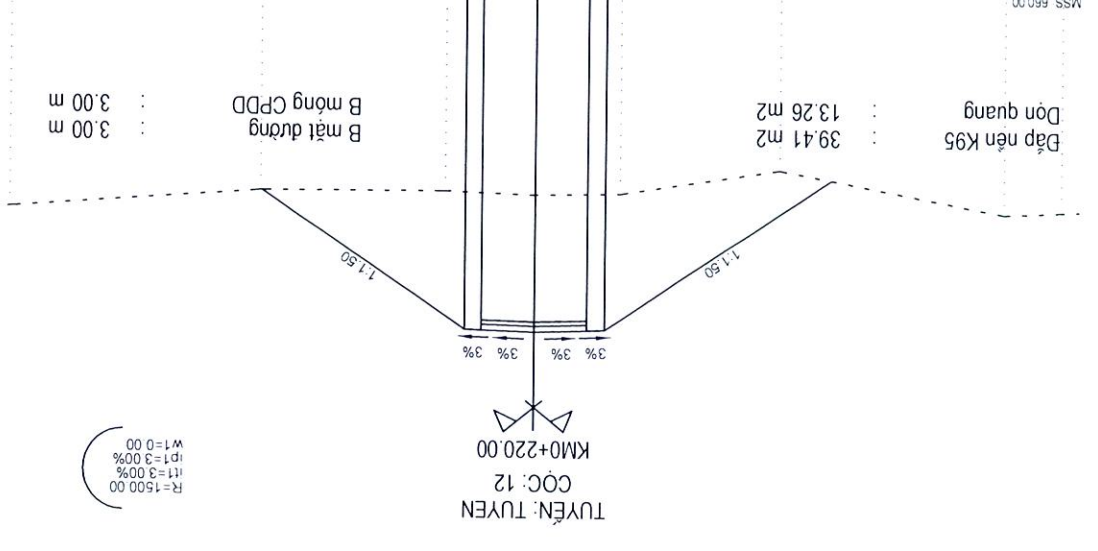


|                                      |                                      |                                      |                                                             |
|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ              | CAO ĐỘ THIẾT KẾ                      | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN                      | KHOẢNG CÁCH MÀ                                              |
| 663.30<br>663.45<br>663.43<br>663.55 | 663.30<br>663.45<br>663.43<br>663.55 | 663.30<br>663.45<br>663.43<br>663.55 | 1.72<br>8.14<br>2.35<br>1.52<br>1.27<br>2.8<br>3.64<br>9.17 |

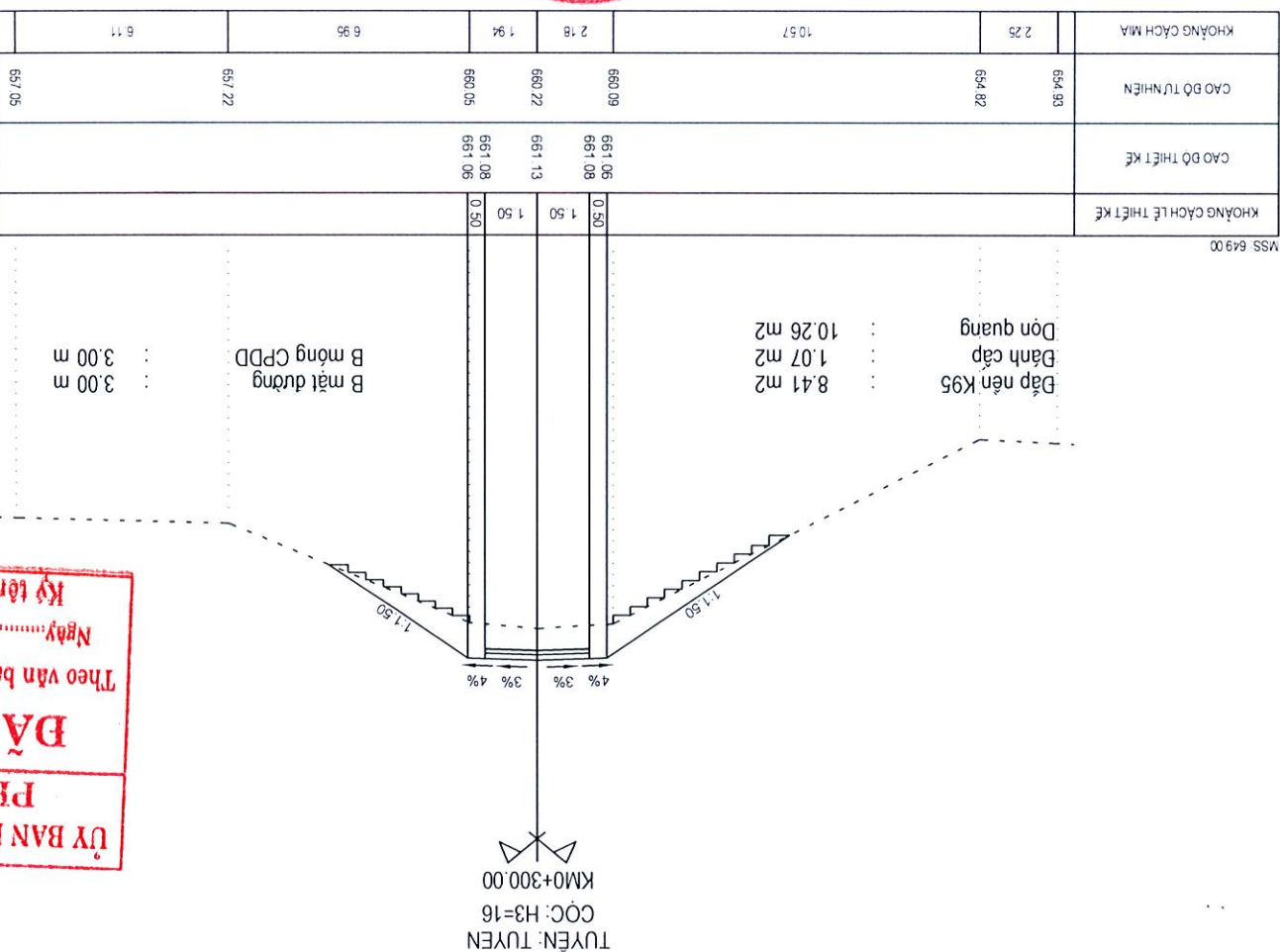


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số...../KQTD-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

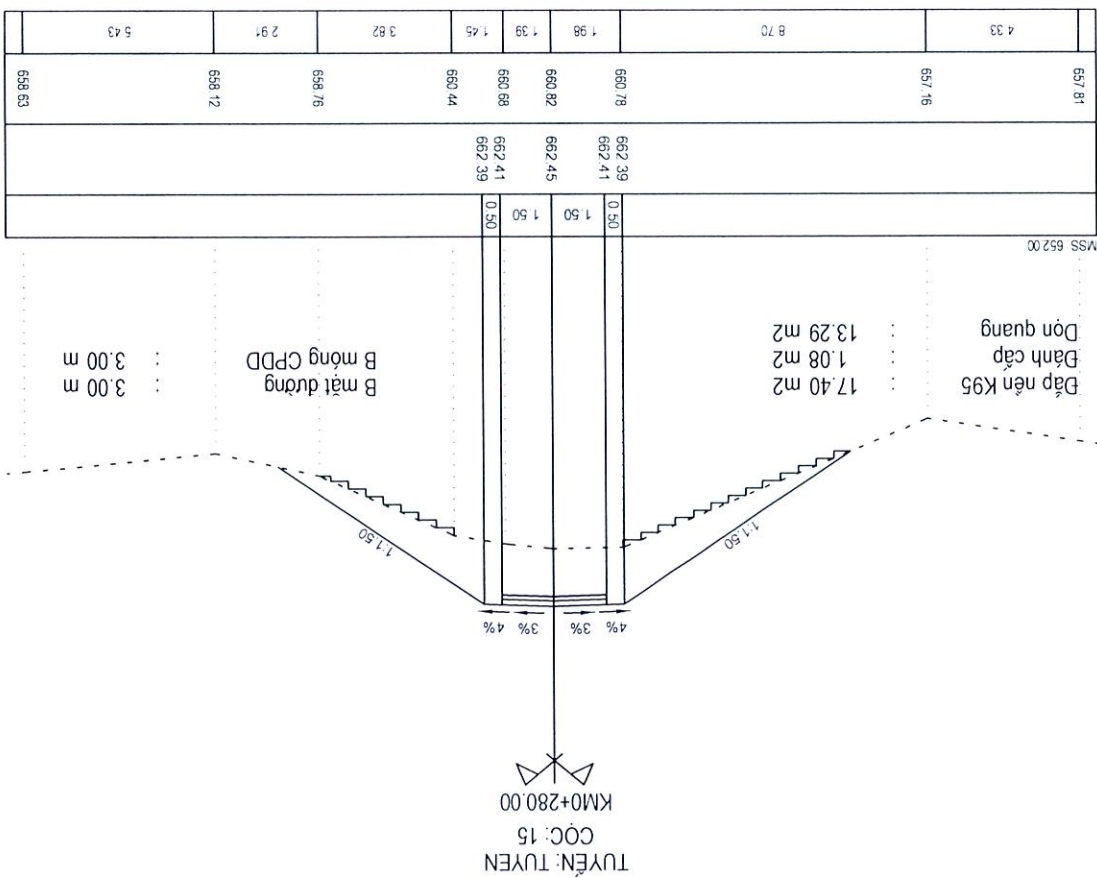
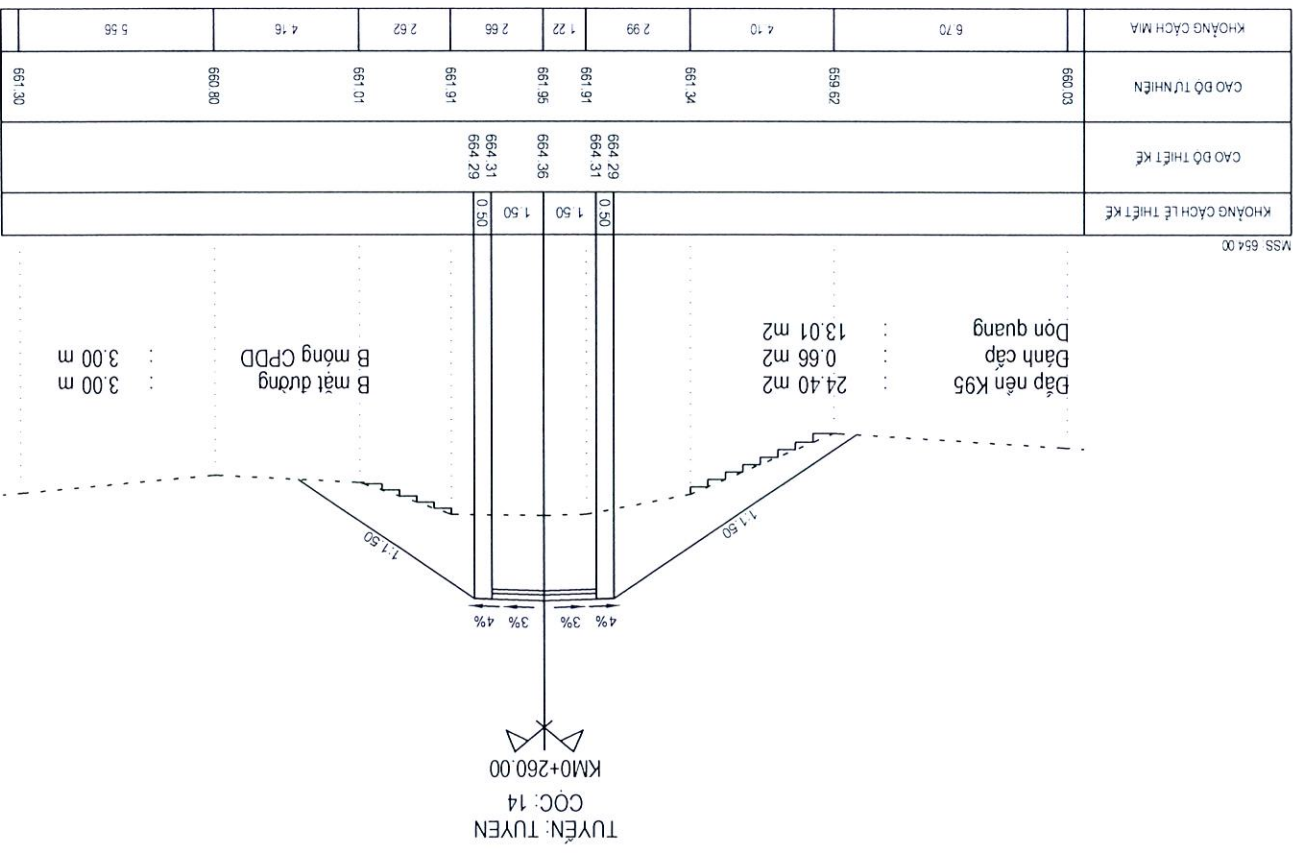
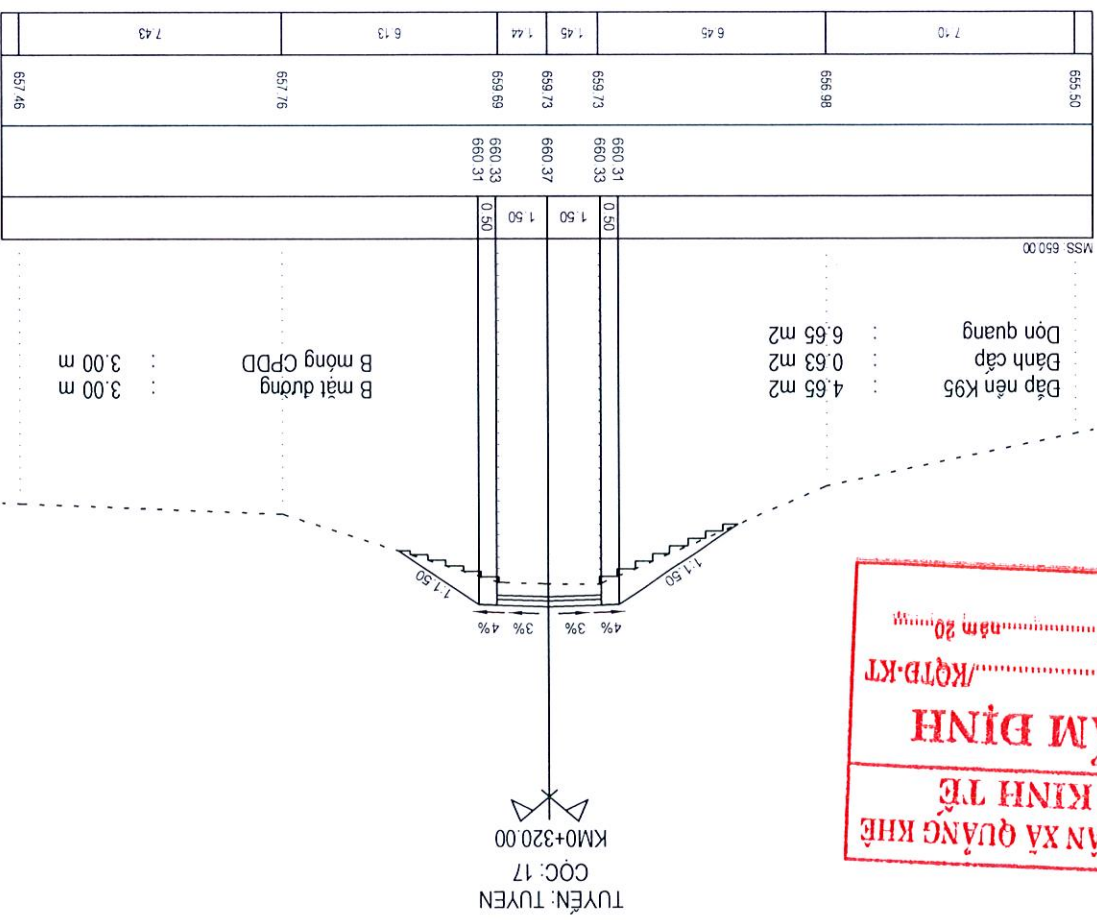
|                                      |                                      |                  |                                                      |
|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ              | CAO ĐỘ THIẾT KẾ                      | CAO ĐỘ TỰ NHIÊN  | KHOẢNG CÁCH MÀ                                       |
| 666.74<br>669.76<br>669.80<br>669.74 | 666.89<br>666.94<br>666.94<br>666.94 | 666.28<br>666.36 | 1.65<br>6.37<br>4.57<br>2.41<br>2.58<br>5.27<br>7.14 |







ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày: ..... tháng ..... năm 20.....  
Ký tên:



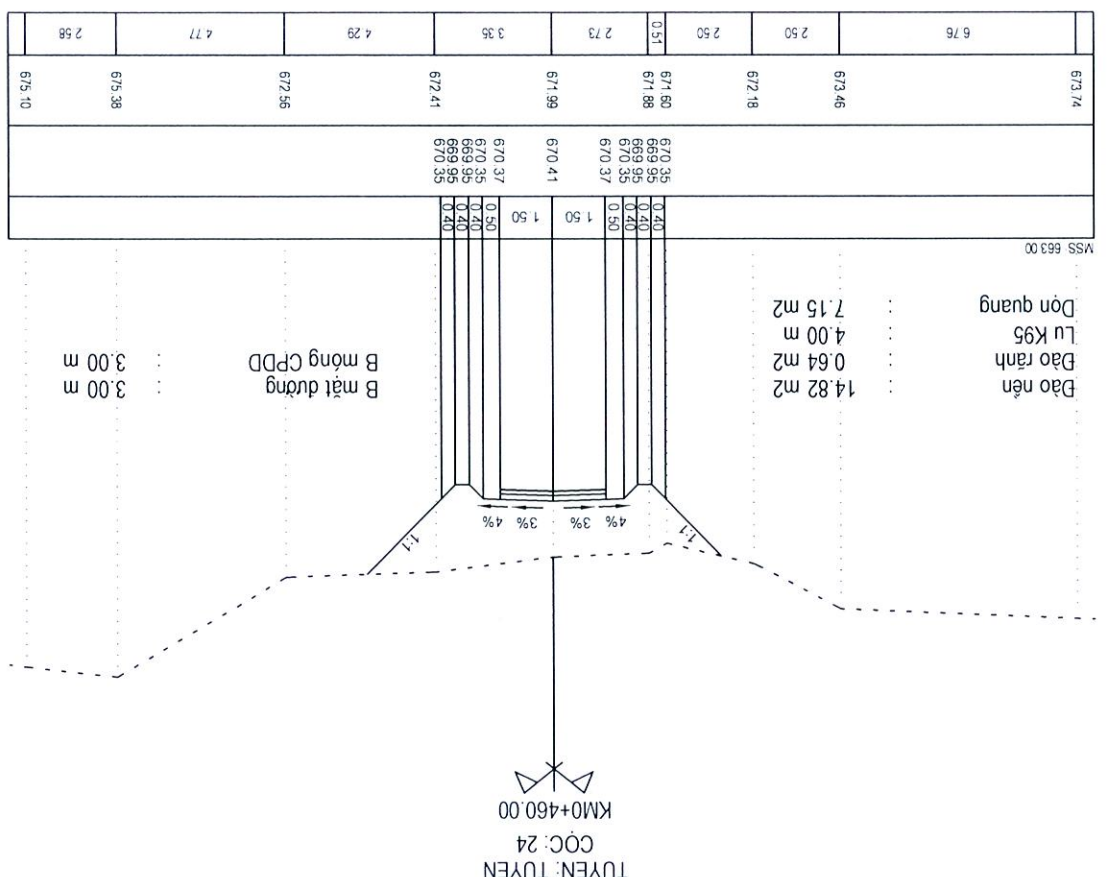
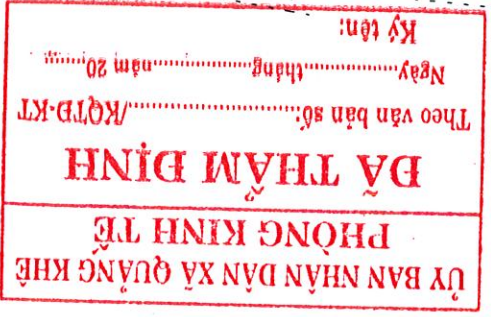






TUYEN: TUYEN  
 CÔC: 22  
 KMO+420.00  



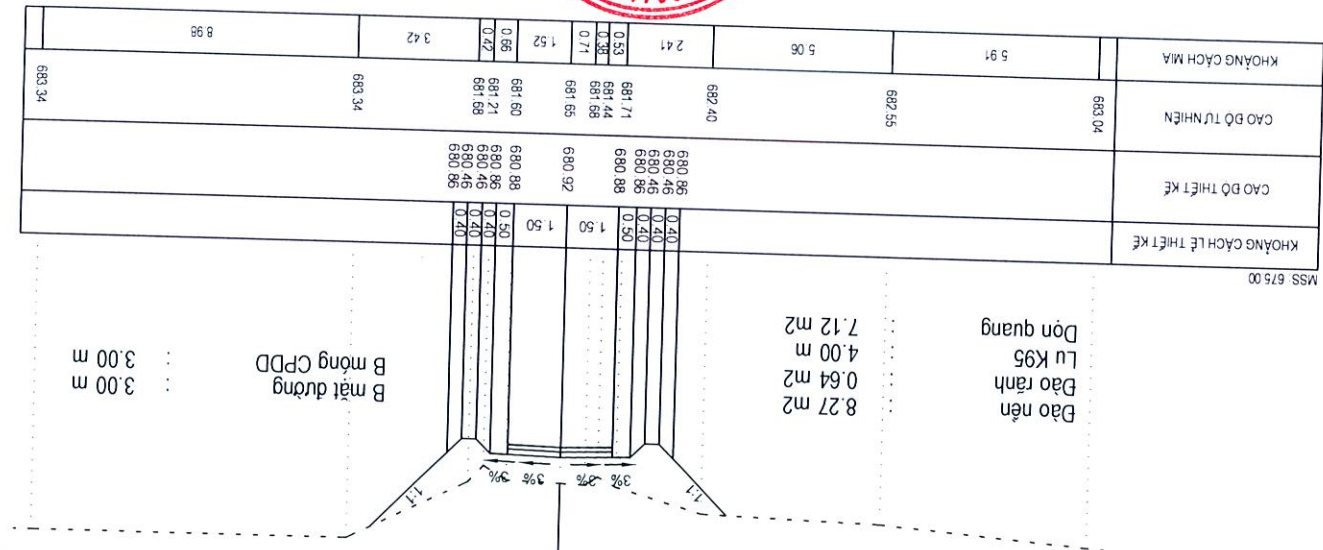





|                 |               |
|-----------------|---------------|
| BỘ VỊ THẨM ĐỊNH | CHỦ ĐẦU TƯ    |
| PHÒNG KINH TẾ   | PHÒNG KINH TẾ |
| XÃ QUẢNG KHÊ    | XÃ QUẢNG KHÊ  |

|                                                                         |             |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------|
| DOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THÔN ĐẮK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ĐANG NHU THỰC | CÔNG TRÌNH: |
| DOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THÔN ĐẮK LANG ĐOÀN TỪ ĐẦU DỐC ĐẾN NHÀ ĐANG NHU THỰC | CÔNG TRÌNH: |

|           |                  |
|-----------|------------------|
| ĐỊA ĐIỂM: | NỘI DUNG BẢN VẼ: |
| ĐỊA ĐIỂM: | NỘI DUNG BẢN VẼ: |











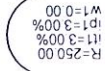
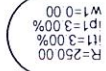




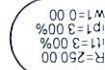
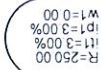








ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÉ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày: .....tháng .....năm 20...  
Ký tên:

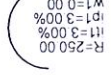




Technical drawing of a drainage structure cross-section. The structure has a central rectangular opening with a width of 4.00 m and a depth of 0.64 m². The top surface is 13.21 m². The structure is supported by a base with a width of 3.00 m and a depth of 3.00 m. The base is labeled "B mặt đường" and "B móng CPDD". The structure is surrounded by a drainage area with a width of 6.56 m². The drawing includes dimensions for the structure and the drainage area, as well as labels for the structure and the drainage area.

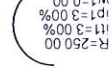
Đào nền : 9.89 m<sup>2</sup>  
Đào rãnh : 0.64 m<sup>2</sup>  
Lu K95 : 4.00 m  
Đào rãnh : 6.17 m<sup>2</sup>

B mặt đường : 3.00 m  
B móng CPDD : 3.00 m



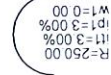
TUYỀN: TUYEN  
COC: TCS  
KM0+893.32

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÉ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÀ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:.....

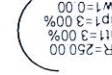


TUYẾN: TUYEN  
COC: 45  
RM0+880.00

Technical drawing of a drainage structure (Bể lắng cát) showing a cross-section and a plan view. The cross-section shows a trapezoidal structure with a bottom width of 3.00 m, a top width of 3.00 m, and a height of 3.00 m. The side slopes are 1:1. The bottom has a 3% slope. The plan view shows a rectangular structure with a width of 3.00 m and a length of 3.00 m. The bottom has a 3% slope. The structure is labeled 'Bể lắng cát' and 'Bể lắng cát'.

[illegible]

TUYEN: TUYEN  
COC: 44  
KM0+860.00



TUYEN: TUYEN  
COC: 43  
KM0+840.00



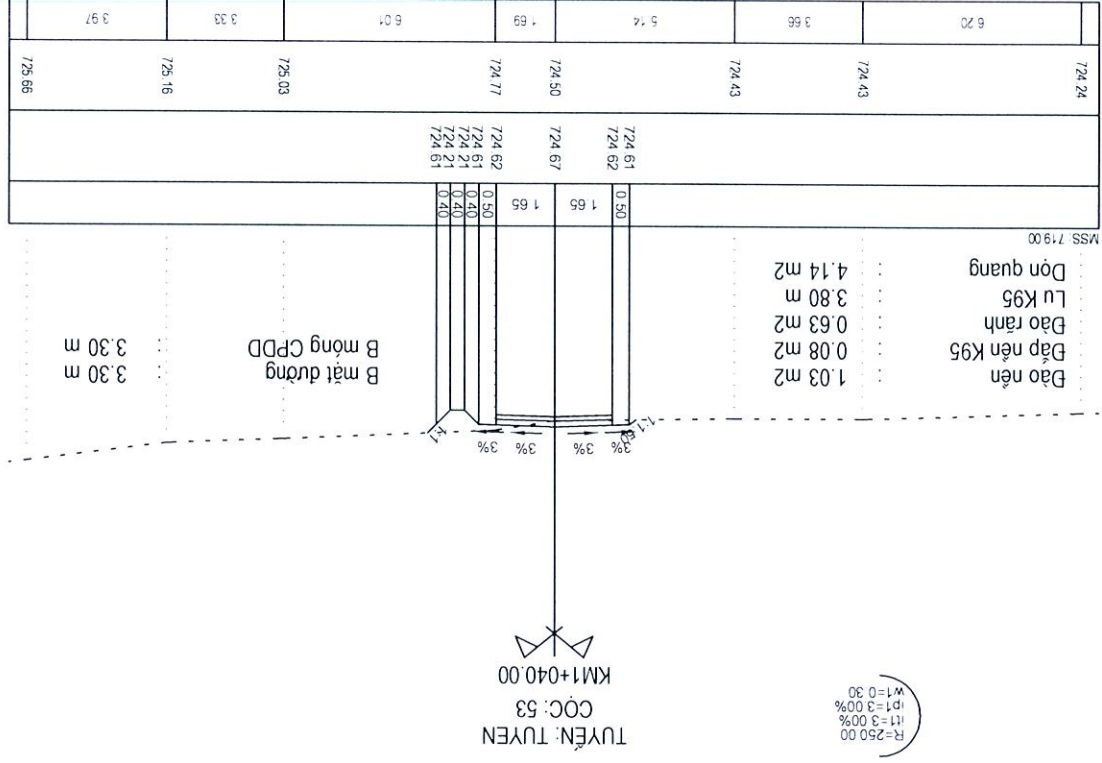
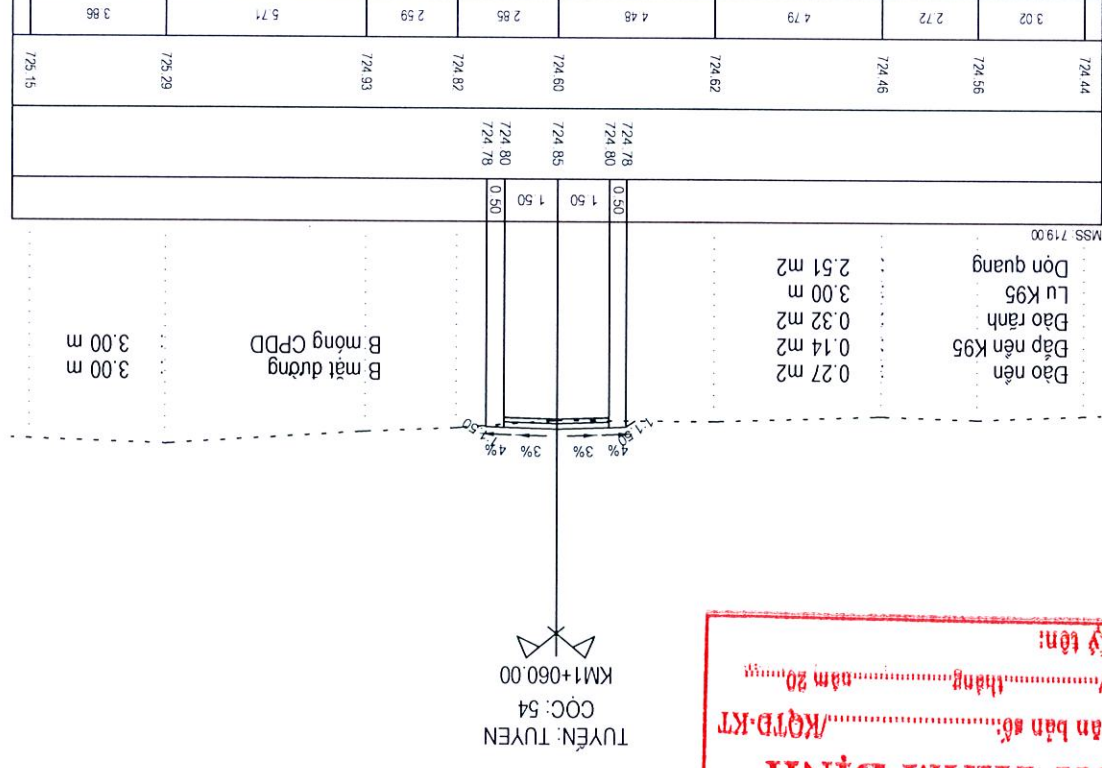
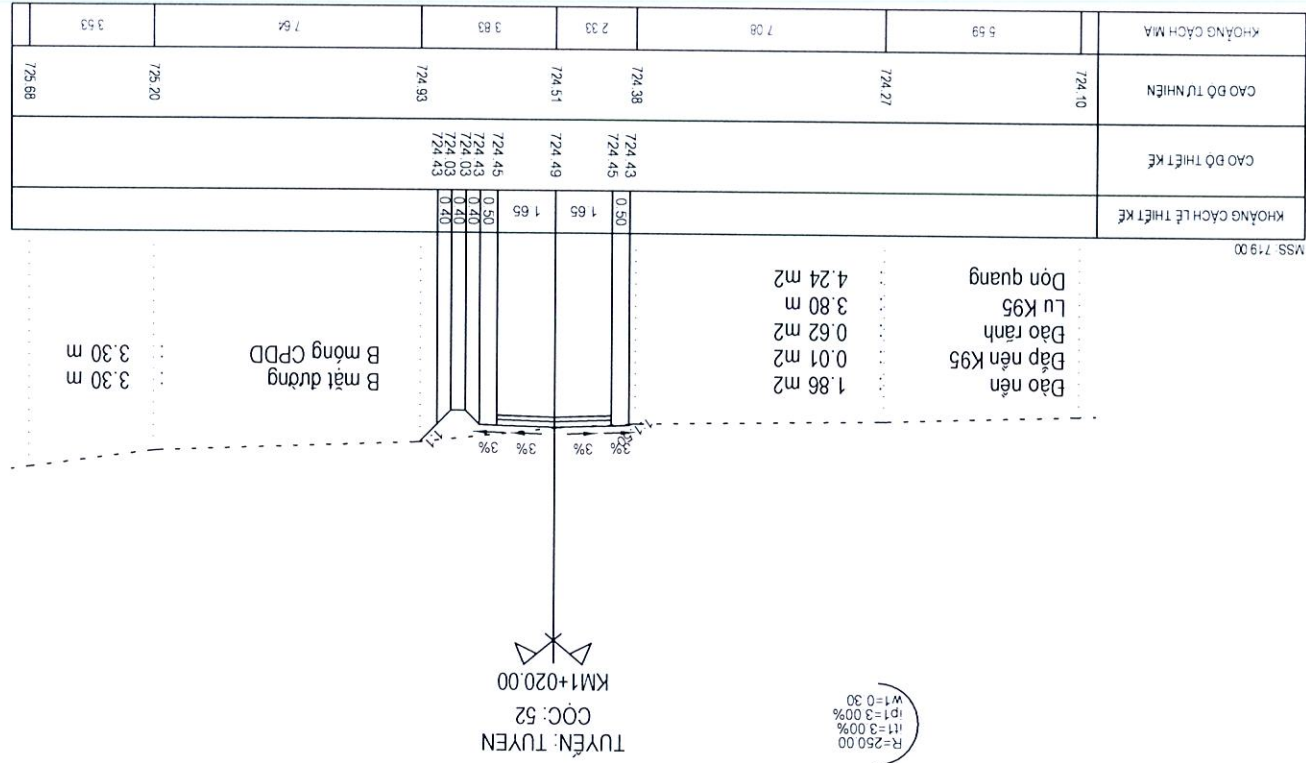
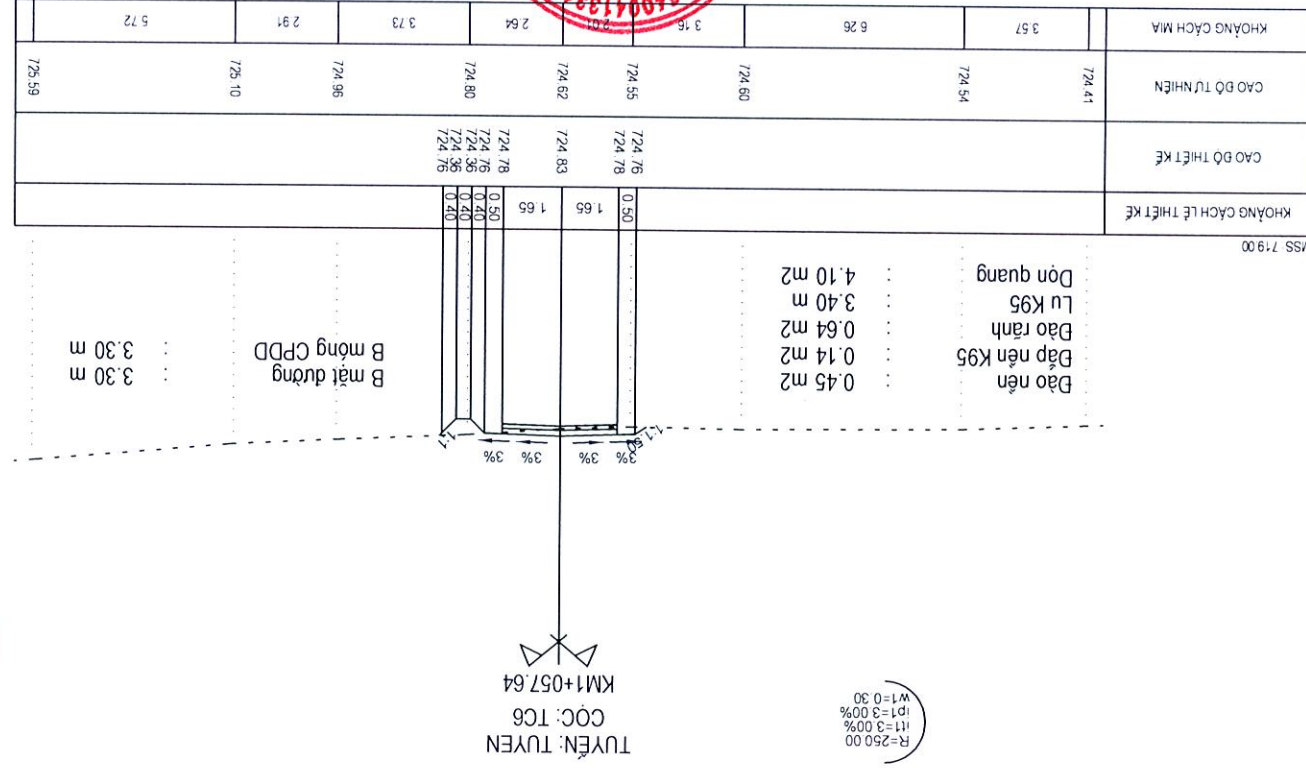






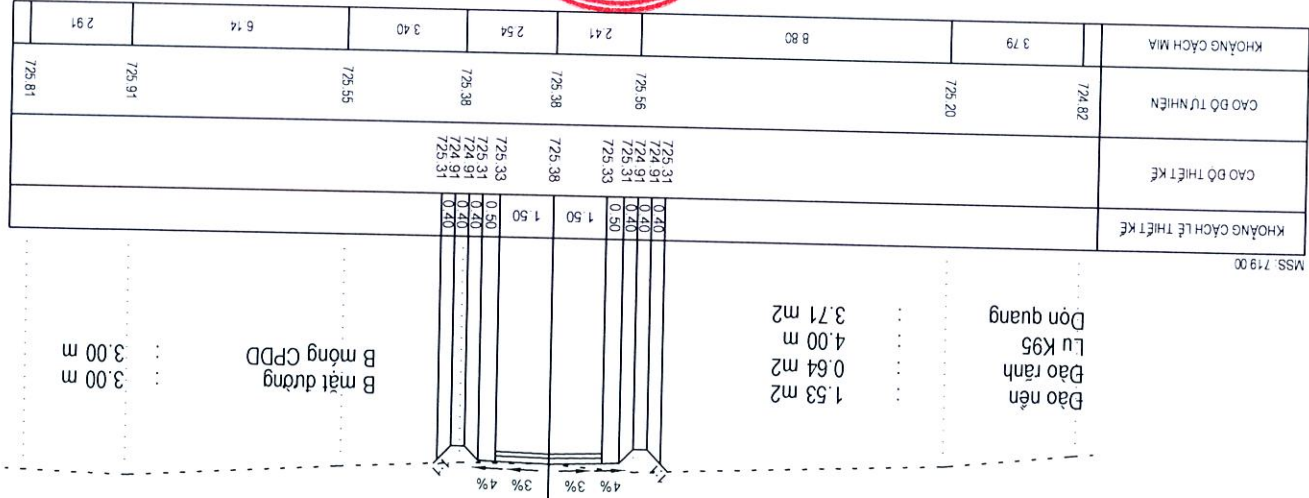


|                  |               |                                                                                                                                                                  |               |           |                  |       |         |      |
|------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|------------------|-------|---------|------|
| ĐƠN VI THẨM ĐỊNH | CHỦ ĐẦU TƯ    | <br><b>CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ<br/>KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT<br/>TRUNG ƯƠNG</b> | CÔNG TRÌNH:   | ĐỊA ĐIỂM: | NỘI DUNG BẢN VẼ: | TỈ LỆ | DẤU GHI | MSSP |
|                  | PHÒNG KINH TẾ |                                                                                                                                                                  | PHÒNG KINH TẾ |           |                  |       |         |      |



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÉ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQ.TĐ-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

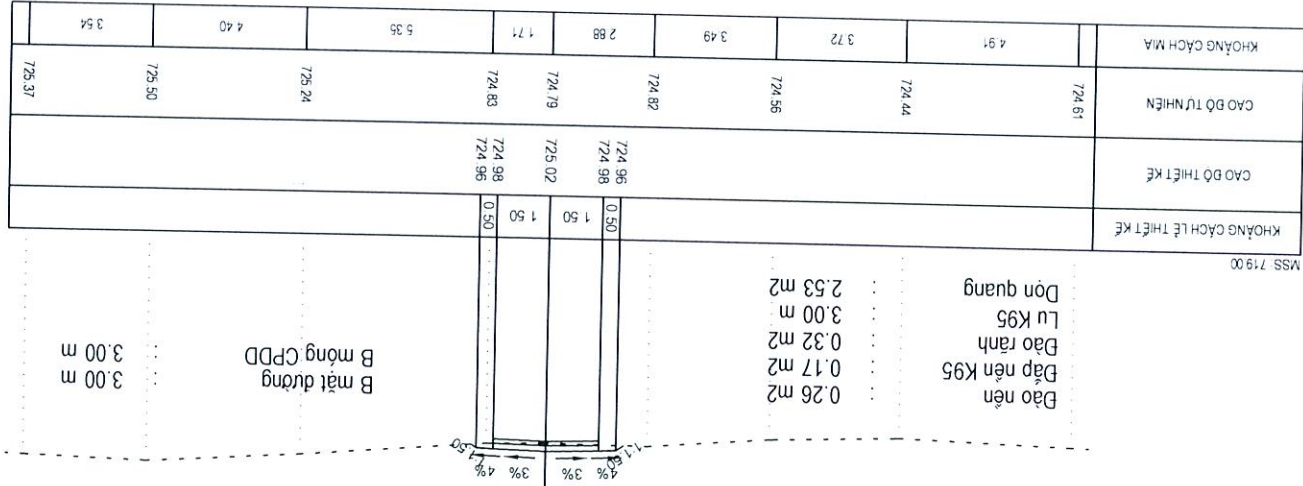
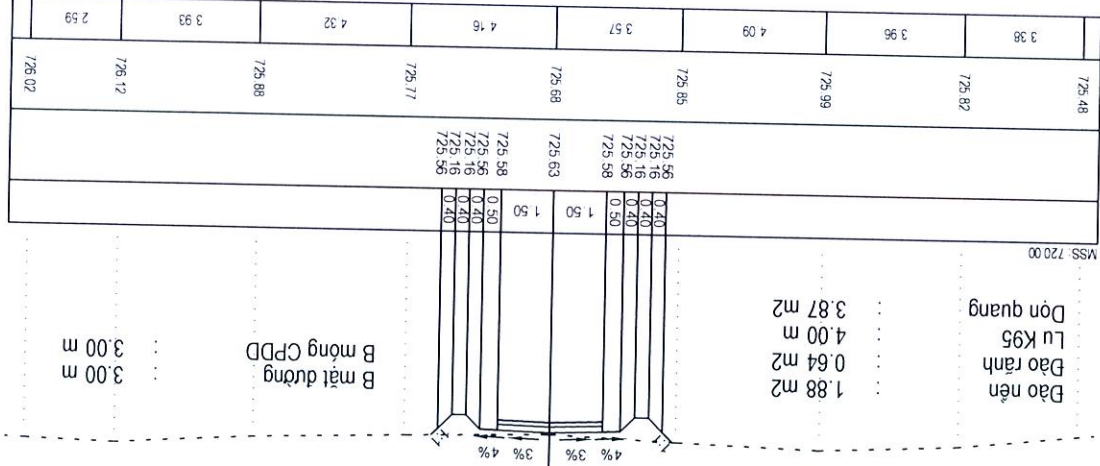




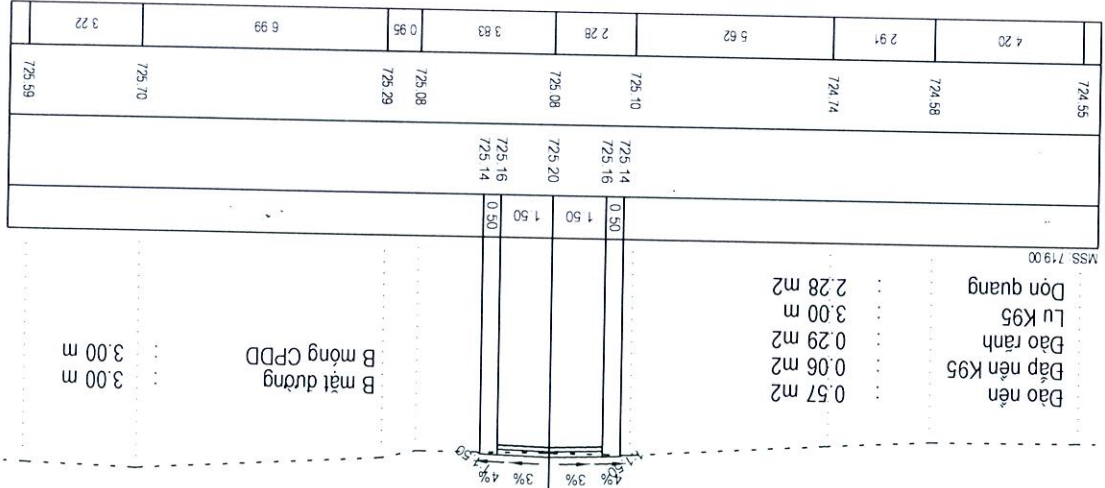
TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 57  
KM1+120.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐẢ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTD-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 58  
KM1+140.00



TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 55  
KM1+080.00



TUYẾN: TUYEN  
CỐC: H1=56  
KM1+100.00



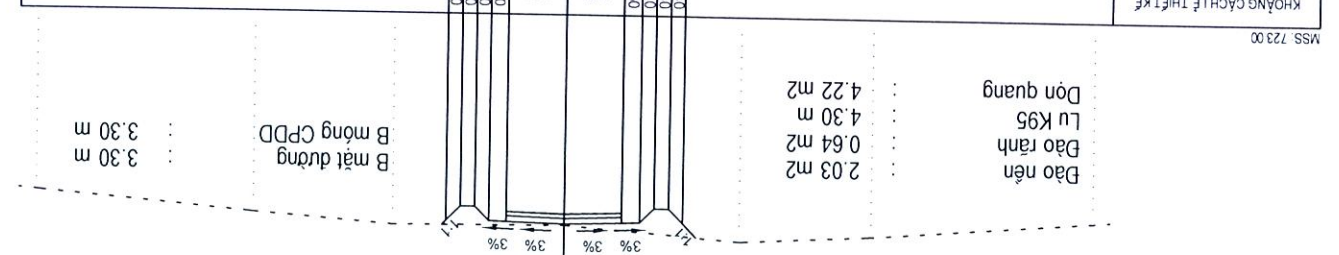






|                  |               |
|------------------|---------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH | PHÒNG KINH TẾ |
| CHỦ ĐẦU TƯ       | PHÒNG KINH TẾ |

|                         |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |
|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MÀ          | 728 66                                         | 6 29                                           | 3 74                                           | 4 97                                           | 4 88                                           | 3 96                                           | 6 16                                           |
| CAO ĐỘ TỰ NHIÊN         | 728 66                                         | 728 13                                         | 728 33                                         | 728 94                                         | 728 97                                         | 728 67                                         | 728 12                                         |
| CAO ĐỘ THIẾT KẾ         | 728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 | 728 86<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 | 728 81<br>728 81<br>728 81<br>728 81<br>728 81 | 728 86<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 | 728 86<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 | 728 86<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 | 728 86<br>728 84<br>728 84<br>728 84<br>728 84 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           |

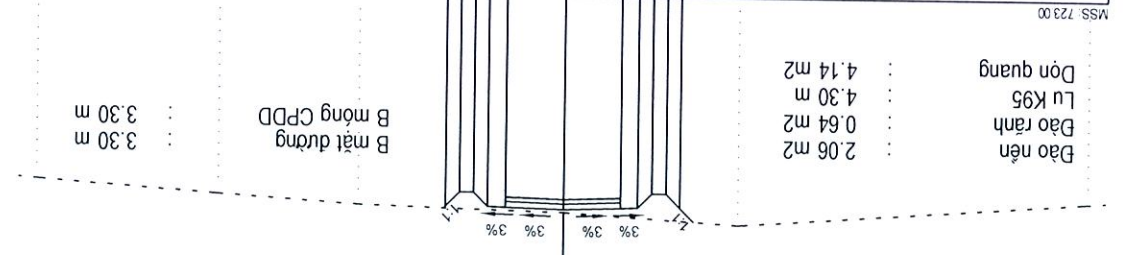


R=220.00  
lR1=3.00%  
lR2=0.30%

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 64  
KM1+260.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày: .....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

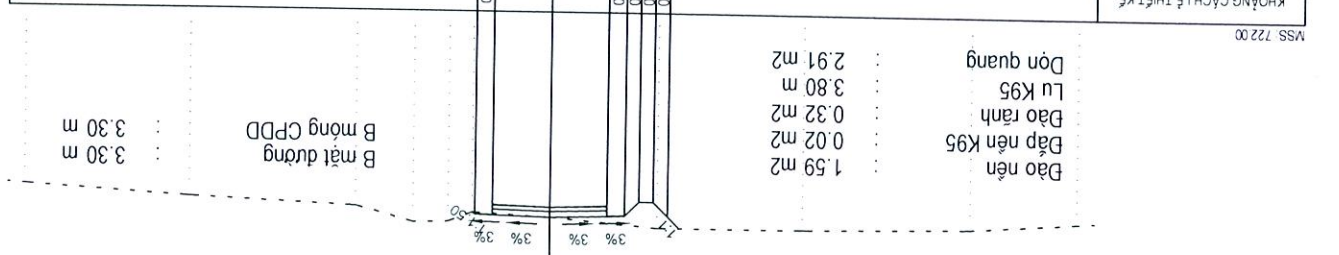
|                         |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |
|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MÀ          | 728 71                                         | 10 00                                          | 5 00                                           | 5 88                                           | 3 99                                           | 5 16                                           |
| CAO ĐỘ TỰ NHIÊN         | 728 71                                         | 728 41                                         | 728 10                                         | 728 93                                         | 728 67                                         | 728 30                                         |
| CAO ĐỘ THIẾT KẾ         | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 | 728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95<br>728 95 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           |



R=220.00  
lR1=3.00%  
lR2=0.30%

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: P7  
KM1+264.02

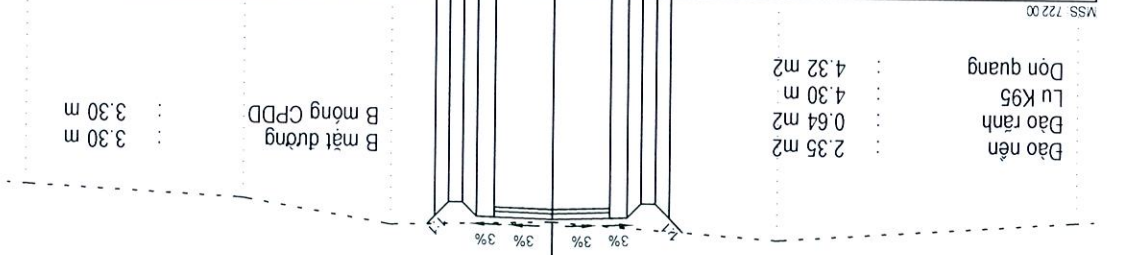
|                         |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |
|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MÀ          | 727 78                                         | 3 00                                           | 4 77                                           | 4 17                                           | 3 06                                           | 2 23                                           | 0 67                                           | 1 00                                           | 1 66                                           | 4 75                                           | 4 69                                           |
| CAO ĐỘ TỰ NHIÊN         | 727 78                                         | 727 98                                         | 728 06                                         | 728 07                                         | 728 07                                         | 727 80                                         | 727 69                                         | 727 95                                         | 727 98                                         | 727 54                                         | 727 03                                         |
| CAO ĐỘ THIẾT KẾ         | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 | 727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74<br>727 74 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           |



R=220.00  
lR1=3.00%  
lR2=0.30%

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 62  
KM1+220.00

|                         |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |                                                |
|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MÀ          | 728 30                                         | 6 57                                           | 6 43                                           | 4 62                                           | 4 20                                           | 6 18                                           |
| CAO ĐỘ TỰ NHIÊN         | 728 30                                         | 728 88                                         | 728 43                                         | 728 54                                         | 727 94                                         | 727 52                                         |
| CAO ĐỘ THIẾT KẾ         | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 | 728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29<br>728 29 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           | 1 65                                           |



R=220.00  
lR1=3.00%  
lR2=0.30%

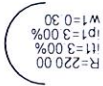
TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 63  
KM1+240.00

|                  |               |
|------------------|---------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH | PHÒNG KINH TẾ |
| CHỦ ĐẦU TƯ       | PHÒNG KINH TẾ |

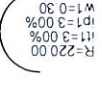
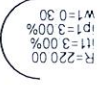
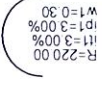
|             |                                                   |
|-------------|---------------------------------------------------|
| CÔNG TRÌNH: | BOẢN BƯỜNG ĐỐC SINH THỒN ĐẮK LANG ĐOAN TỪ ĐẦU ĐỐC |
| ĐỊA ĐIỂM:   |                                                   |

|       |        |      |
|-------|--------|------|
| TỈ LỆ | ĐÃ GHI | MSSP |
|-------|--------|------|





Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:





ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ

THÔNG MẠI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM:

NỘI DUNG BÀN VỀ:

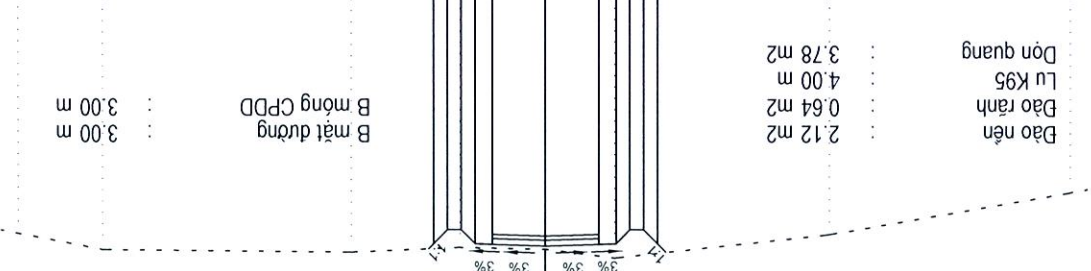
TỈ LỆ

ĐÃ GHI

MSSP

|                         |                                          |                                                     |                                                     |                                                     |                                                     |                                                     |                                                     |
|-------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MIA         | 1726.89                                  | 1728.08                                             | 1728.51                                             | 1728.45                                             | 1728.59                                             | 1728.52                                             | 1728.05                                             |
| CAO DỘ TỰ NHIÊN         | 1726.89                                  | 1728.08                                             | 1728.51                                             | 1728.45                                             | 1728.59                                             | 1728.52                                             | 1728.05                                             |
| CAO DỘ THIẾT KẾ         | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.41<br>1728.37<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.41<br>1728.37<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.37<br>1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.35 | 1728.37<br>1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.35 | 1728.37<br>1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.35 | 1728.37<br>1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.35 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        |

MSS: 721.00

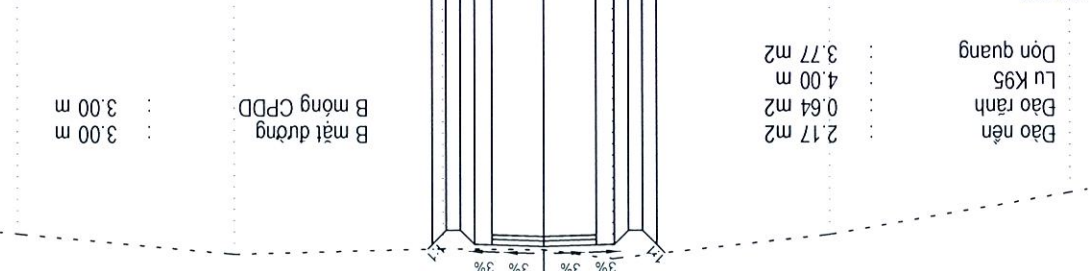


R=250.00  
i1=3.00%  
i2=3.00%  
W1=0.00

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: P8  
KM1+359.82

|                         |                                          |                                                     |                                                     |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |
|-------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MIA         | 1726.89                                  | 1728.07                                             | 1728.50                                             | 1728.75                                  | 1728.36                                  | 1728.47                                  | 1728.63                                  | 1728.05                                  |
| CAO DỘ TỰ NHIÊN         | 1726.89                                  | 1728.07                                             | 1728.50                                             | 1728.75                                  | 1728.36                                  | 1728.47                                  | 1728.63                                  | 1728.05                                  |
| CAO DỘ THIẾT KẾ         | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.41<br>1728.37<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.41<br>1728.37<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 | 1728.35<br>1727.95<br>1727.95<br>1728.37 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50                        | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             |

MSS: 721.00



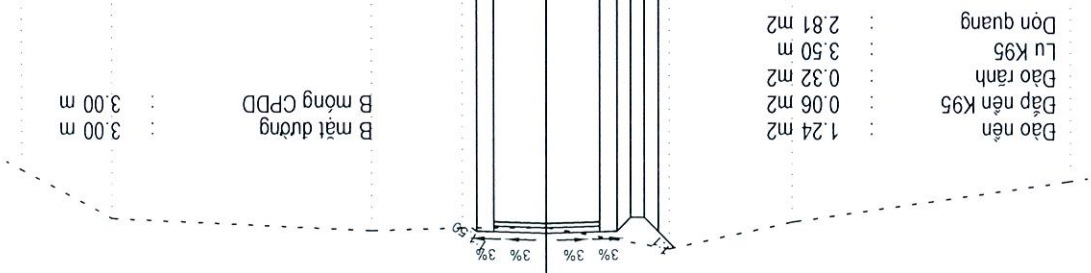
R=250.00  
i1=3.00%  
i2=3.00%  
W1=0.00

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 69  
KM1+360.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày: .....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:

|                         |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |
|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MIA         | 1727.66                                  | 1728.82                                  | 1729.98                                  | 1729.98                                  | 1729.07                                  | 1728.73                                  | 1727.35                                  |
| CAO DỘ TỰ NHIÊN         | 1727.66                                  | 1728.82                                  | 1729.98                                  | 1729.98                                  | 1729.07                                  | 1728.73                                  | 1727.35                                  |
| CAO DỘ THIẾT KẾ         | 1729.09<br>1728.69<br>1728.69<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 | 1729.15<br>1729.10<br>1729.09<br>1729.10 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             |

MSS: 722.00

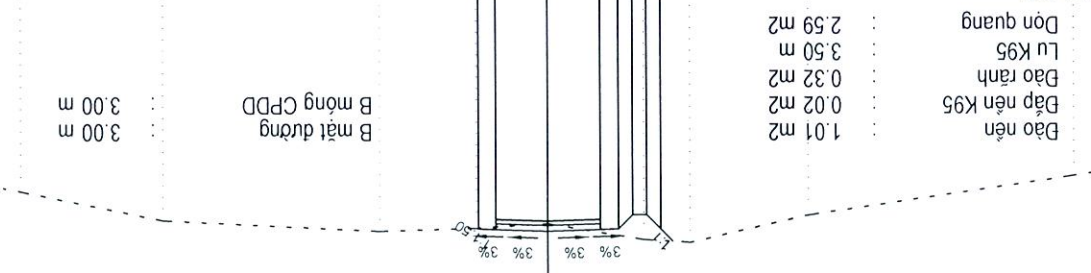


R=250.00  
i1=3.00%  
i2=3.00%  
W1=0.00

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: TD8  
KM1+335.45

|                         |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |                                          |
|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| KHOẢNG CÁCH MIA         | 1727.49                                  | 1728.60                                  | 1729.36                                  | 1729.28                                  | 1728.83                                  | 1728.96                                  | 1729.05                                  | 1727.92                                  |
| CAO DỘ TỰ NHIÊN         | 1727.49                                  | 1728.60                                  | 1729.36                                  | 1729.28                                  | 1728.83                                  | 1728.96                                  | 1729.05                                  | 1727.92                                  |
| CAO DỘ THIẾT KẾ         | 1729.98<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 | 1729.04<br>1728.58<br>1728.58<br>1729.00 |
| KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             | 0.40<br>0.40<br>0.40<br>0.50             |

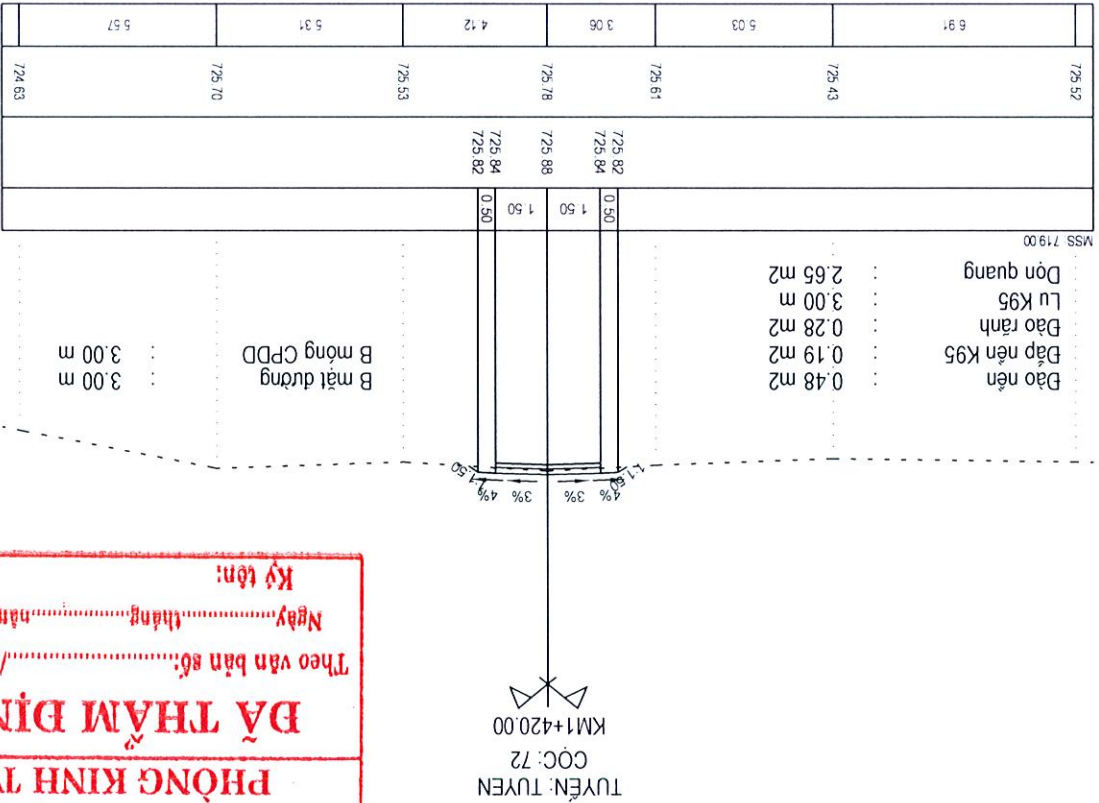
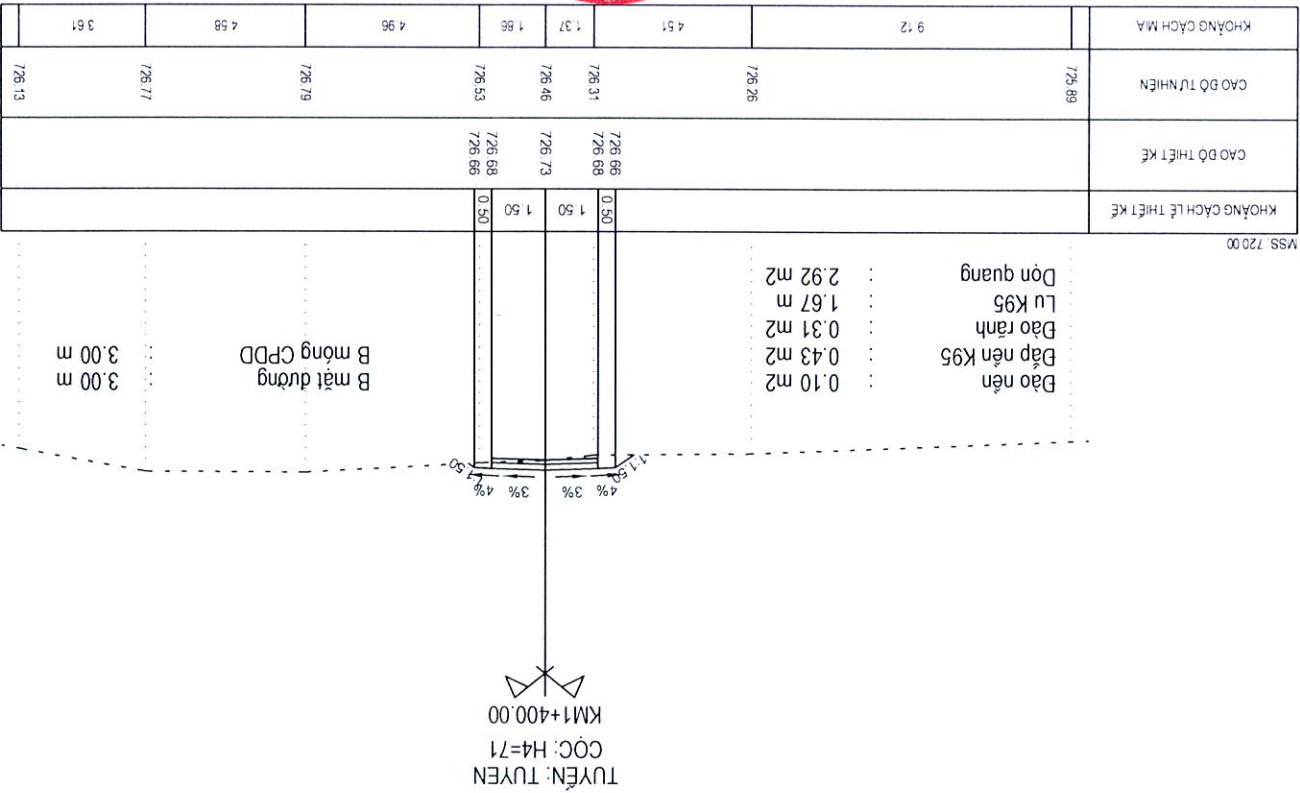
MSS: 722.00



R=250.00  
i1=3.00%  
i2=3.00%  
W1=0.00

TUYẾN: TUYEN  
CỐC: 68  
KM1+340.00





ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ

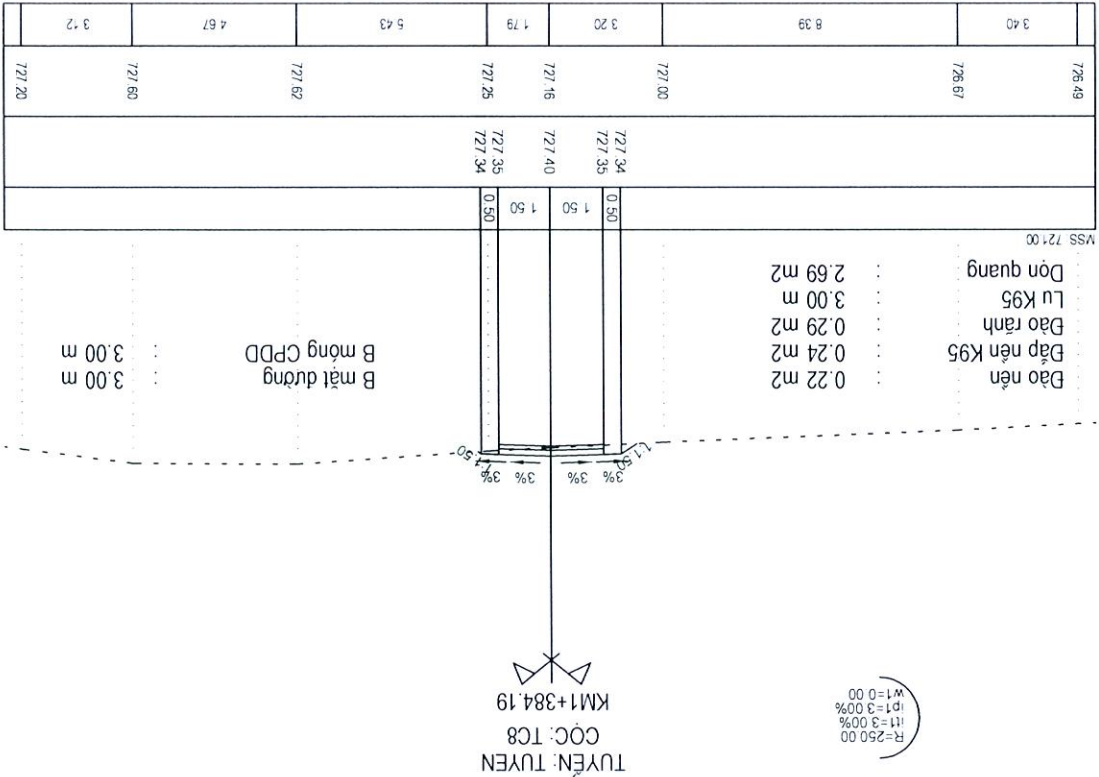
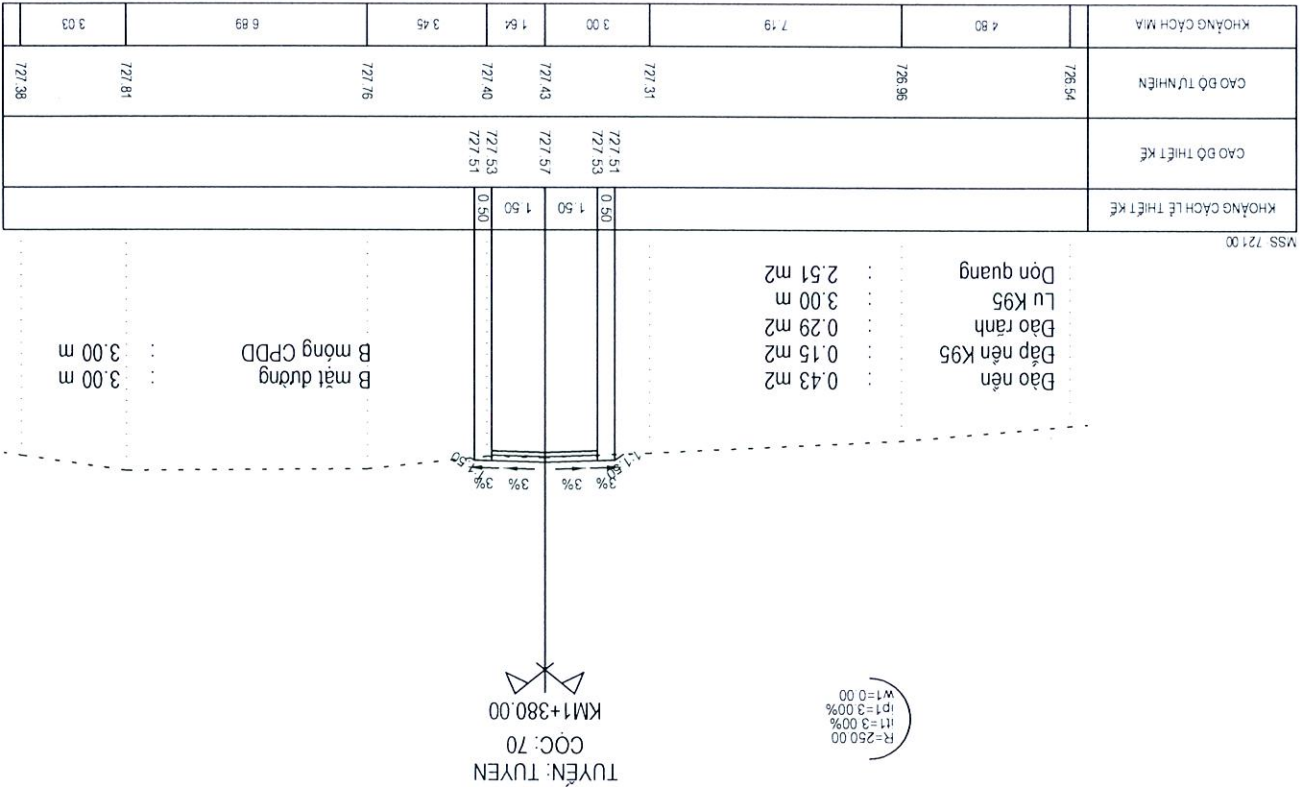
PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KQTD-KT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



R=250.00

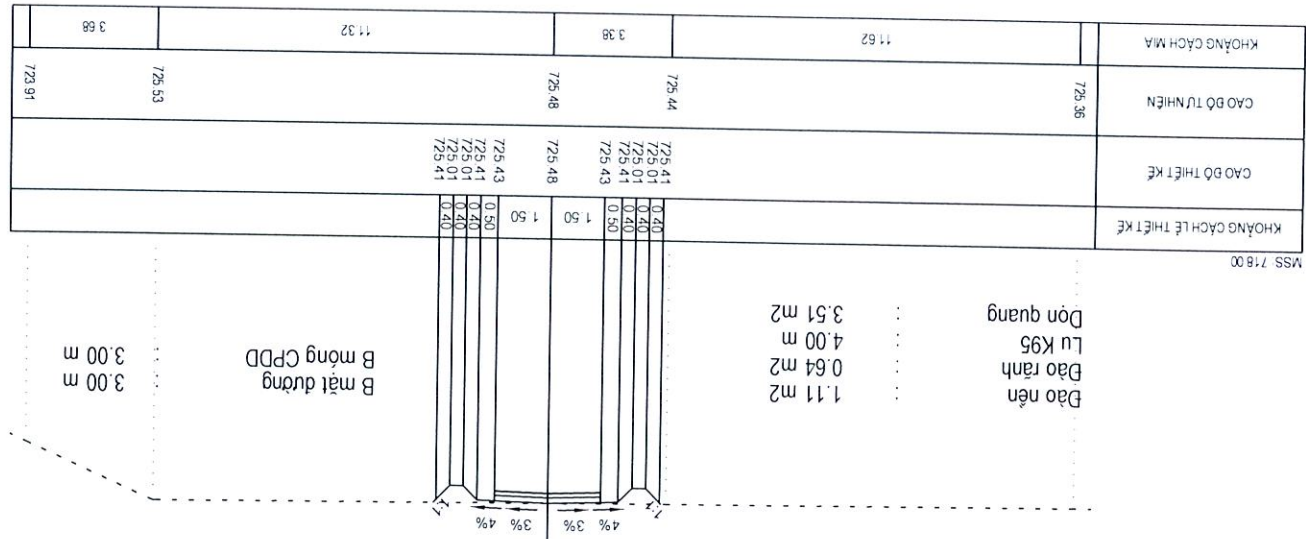
i1=3.00%

i2=3.00%

W1=0.00



TUYẾN: TUYEN  
CỘC: 73  
KM1+429.62



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: .....tháng.....năm 20.....  
Ký tên: .....



|                                                   |             |               |                  |
|---------------------------------------------------|-------------|---------------|------------------|
| ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH                                  | CHỦ ĐẦU TƯ  | PHÒNG KINH TẾ | PHÒNG KINH TẾ    |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ                                   | CÔNG TRÌNH: | ĐỊA ĐIỂM:     | NỘI DUNG BÀN VỀ: |
| ĐOÀN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THỒN ĐẮK LANG ĐOÀN TỈ PÁU ĐỐC |             |               |                  |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# NÚT GIAO

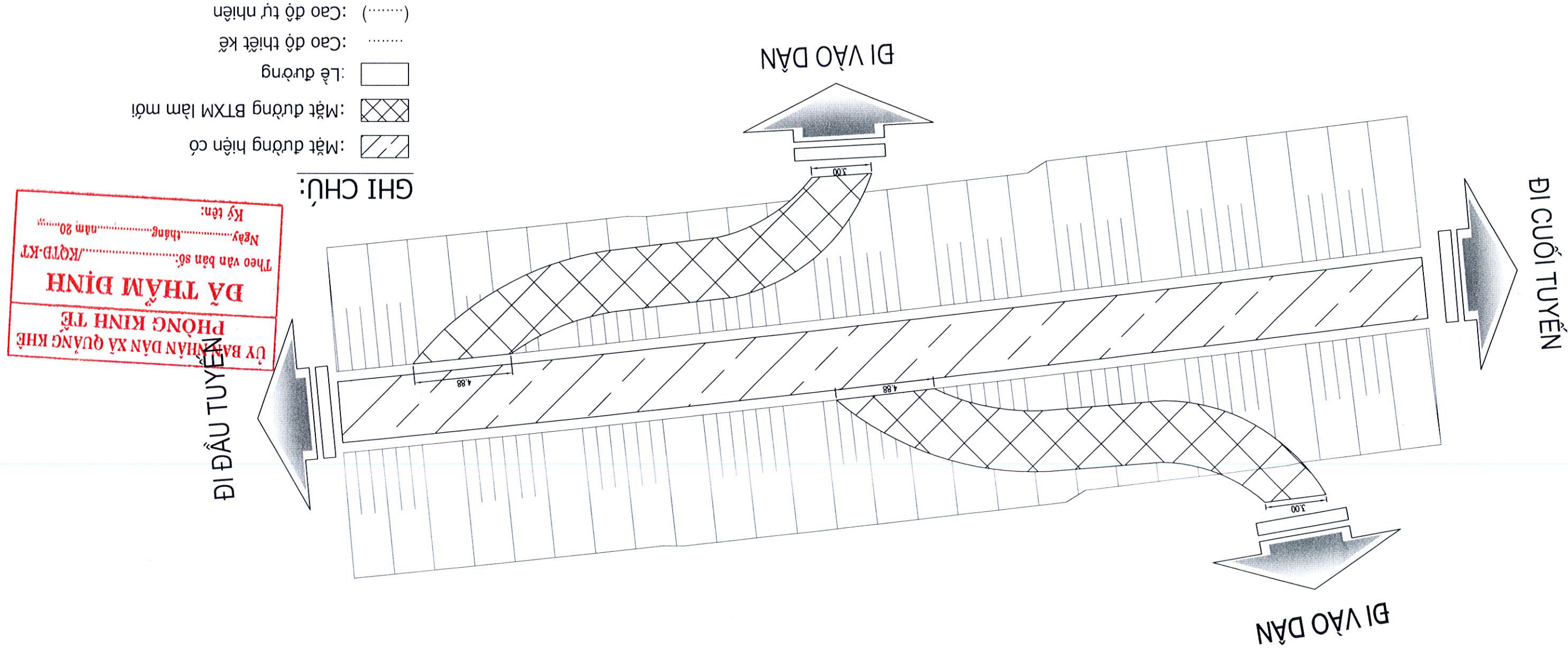
LÀM ĐỒNG - NĂM 2026



ĐƯỜNG XUỐNG NHÀ DÂN

**BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG XUỐNG NHÀ DẦN**

|    |                                 |     |            |
|----|---------------------------------|-----|------------|
| TT | HÀNG MỨC CÔNG VIỆC              | DVT | KHỐI LƯỢNG |
| 1  | Diện tích mặt đường             | m2  | 130,10     |
| 2  | Đắp nền đường                   | m3  | 128,00     |
| 3  | Giấy dầu                        | m2  | 130,10     |
| 4  | BTXM đá 1x2 M250 chiều dày 16cm | m3  | 13,01      |
| 5  | Ván khuôn mặt đường             | m2  | 7,69       |



|                  |            |               |              |               |              |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                           |                                                                                                                          |                                                                                            |                                                |
|------------------|------------|---------------|--------------|---------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| ĐƠN VI THẨM ĐỊNH | CHỦ ĐẦU TƯ | PHÒNG KINH TẾ | XÃ QUẢNG KHÊ | PHÒNG KINH TẾ | XÃ QUẢNG KHÊ | <div> <div>  </div> <div> <div>ĐƠN VI THIẾT KẾ:</div> <div>CÔNG TY CPĐT XD TM SÔNG LAM</div> </div> </div> | <div> <div>CHỦ TRƯỞNG</div> <div>CHỦ TRƯ</div> <div>THIẾT KẾ</div> <div>THỂ HIỆN</div> <div>QUẢN LÝ KỸ THUẬT</div> </div> | <div> <div>CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG ĐỐC SINH THOÀN ĐẮK LẠNG ĐOÀN TỬ ĐÀU ĐỐC</div> <div>ĐẾN NHÀ Ở NGƯỜI NHƯỜNG</div> </div> | <div> <div>ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUẢNG KHÊ - TỈNH LÀM ĐỒNG</div> <div>MỘT DUNG BẢN VẼ:</div> </div> | <div> <div>TỈ LỆ</div> <div>1/100</div> </div> |
|------------------|------------|---------------|--------------|---------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# KHỐI LƯỢNG

LÀM ĐỒNG - NĂM 2026



[illegible]



|       |       |       |      |      |      |      |      |      |        |      |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|-------|-------|-------|------|------|------|------|------|------|--------|------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|--------|-------|------|------|-------|
|       | 20    |       | 0    |      | 8,41 | 0    | 0    | 1,07 | 10,26  | 3    |       | 0,00  | 258,10 | 0,00   | 0,00  | 21,50 | 235,50 | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
| H3=16 | 20    |       | 0    |      | 4,65 | 0    | 0    | 0,63 | 6,65   | 3    | 3     | 0,00  | 130,60 | 0,00   | 0,00  | 17,00 | 169,10 | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
|       | 20    |       | 0    |      |      |      |      |      |        | 3    |       |       | 60,10  | 0,00   | 0,00  | 9,00  | 105,20 | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
| 18    | 20    |       | 0    |      | 1,36 | 0    | 0    | 0,27 | 3,87   | 3    | 3     |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      |        | 3    |       | 19,20 | 3,50   | 0,00   | 30,00 | 2,70  | 65,90  | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
| 19    | 20    |       | 0,35 | 0,56 | 0    | 0    | 3    | 0    | 2,72   | 3    | 3     |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      |        | 3    |       | 12,70 | 7,60   | 4,60   | 65,00 | 0,80  | 65,20  | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
| 20    | 20    |       | 0,92 | 0,2  | 0,46 | 3,5  | 0,08 | 3,8  |        | 3    | 3     |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      |        | 3    |       | 26,20 | 2,00   | 9,60   | 75,00 | 0,80  | 68,70  | 9,60  | 7,20 | 6,40 | 60,00 |
| H4=21 |       | 1,7   | 0    | 0,5  | 4    | 0    | 3,07 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 6,35  |       |      |      |      |      |      |      | 11,24  | 0,00 | 3,11  | 25,40 | 0,00   | 19,40  | 3,05  | 2,29  | 2,03   | 19,05 |      |      |       |
| TD2   |       | 1,84  | 0    | 0,48 | 4    | 0    | 3,04 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 13,65 |       |      |      |      |      |      |      | 48,73  | 0,00 | 7,64  | 54,60 | 0,00   | 48,18  | 6,55  | 4,91  | 4,37   | 40,95 |      |      |       |
| 22    |       | 5,3   | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 4,02 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 11,82 |       |      |      |      |      |      |      | 66,96  | 0,00 | 7,56  | 47,28 | 0,00   | 50,47  | 5,67  | 4,26  | 3,78   | 35,46 |      |      |       |
| P2    |       | 6,03  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 4,52 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 8,18  |       |      |      |      |      |      |      | 58,00  | 0,00 | 5,24  | 32,72 | 0,00   | 40,70  | 3,93  | 2,94  | 2,62   | 24,54 |      |      |       |
| 23    |       | 8,15  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 5,43 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 17,29 |       |      |      |      |      |      |      | 168,23 | 0,00 | 11,07 | 69,16 | 0,00   | 99,33  | 8,30  | 6,22  | 5,53   | 51,87 |      |      |       |
| TC2   |       | 11,31 | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 6,06 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 2,71  |       |      |      |      |      |      |      | 35,41  | 0,00 | 1,73  | 10,84 | 0,00   | 17,90  | 1,30  | 0,98  | 0,87   | 8,13  |      |      |       |
| 24    |       | 14,82 | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 7,15 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      | 372,90 | 0,00 | 12,80 | 80,00 | 0,00   | 169,10 | 9,60  | 6,40  | 60,00  |       |      |      |       |
| 25    |       | 22,47 | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 9,76 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      | 400,00 | 0,00 | 12,80 | 80,00 | 0,00   | 196,20 | 9,60  | 7,20  | 6,40   | 60,00 |      |      |       |
| H5=26 |       | 17,53 | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 9,86 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      | 324,30 | 0,00 | 12,80 | 80,00 | 0,00   | 186,40 | 9,60  | 7,20  | 6,40   | 60,00 |      |      |       |
| 27    |       | 14,9  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 8,78 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      | 244,00 | 0,00 | 12,80 | 80,00 | 0,00   | 159,30 | 9,60  | 7,20  | 6,40   | 60,00 |      |      |       |
| 28    |       | 9,5   | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 7,15 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 0,09  |       |      |      |      |      |      |      | 0,80   | 0,00 | 0,06  | 0,36  | 0,00   | 0,64   | 0,04  | 0,03  | 0,03   | 0,27  |      |      |       |
| TD3   |       | 8,27  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 7,12 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 16,71 |       |      |      |      |      |      |      | 120,40 | 0,00 | 10,69 | 66,84 | 0,00   | 105,19 | 8,02  | 6,02  | 5,35   | 50,13 |      |      |       |
| P3    |       | 6,14  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 5,47 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 3,2   |       |      |      |      |      |      |      | 17,26  | 0,00 | 2,05  | 12,80 | 0,00   | 18,29  | 1,54  | 1,15  | 1,02   | 9,60  |      |      |       |
| 29    |       | 4,65  | 0    | 0,64 | 4    | 0    | 5,96 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 13,5  |       |      |      |      |      |      |      | 33,62  | 3,51 | 5,54  | 47,25 | 0,61   | 58,79  | 6,48  | 4,86  | 4,32   | 40,50 |      |      |       |
| TC3   |       | 0,33  | 0,52 | 0,18 | 3    | 0,09 | 2,75 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 6,5   |       |      |      |      |      |      |      | 4,32   | 1,89 | 1,50  | 19,50 | 0,33   | 19,53  | 3,12  | 2,08  | 19,50  |       |      |      |       |
| 30    |       | 1     | 0,06 | 0,28 | 3    | 0,01 | 3,26 | 3    |        | 3    |       |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |
|       | 20    |       |      |      |      |      |      |      | 20,30  | 0,60 | 6,00  | 65,00 | 0,10   | 55,00  | 9,60  | 6,40  | 60,00  |       |      |      |       |
| H6=31 |       |       |      |      |      |      |      |      |        | 3    | 3     |       |        |        |       |       |        |       |      |      |       |



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHAI  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÀ THẠM ĐÌNH  
Theo văn bản số: 9,60  
Ngày: 9,60  
Ký tên: 7,20



[illegible]



[illegible]





ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÉ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THẨM ĐỊNH  
Theo văn bản số: ...../KQTB-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20....  
Ký tên:

[illegible]



BẢNG TÍNH 02: BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO

CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SÌNH THƠN ĐẶK LANG ĐOÀN TỪ ĐẬU DỐC ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỢNG

Địa điểm XD: Xã Quảng Khê, tỉnh Lâm Đồng

NÚT GIAO 1: TỪ KM0+00 ĐẾN KM0+20,00

| NÚT GIAO 1: TỪ KM0+00 ĐẾN KM0+20,00 |                                 |        |            |                 |
|-------------------------------------|---------------------------------|--------|------------|-----------------|
| STT                                 | Hạng mục công việc              | Đơn vị | Khối lượng | Cách tính       |
| 1                                   | Diện tích mặt đường             | m2     | 75,05      | Bản vẽ chi tiết |
| 2                                   | Đào nền đường                   | m3     | 9,70       | =Sđào           |
| 3                                   | Đắp nền đường                   | m3     | 8,50       | =Sđắp           |
| 4                                   | Móng CPDD K98 chiều dày 12cm    | m3     | 15,01      | =S(ng) x 0,20   |
| 5                                   | Lớp giấy dầu                    | m2     | 75,05      | =S(ng)          |
| 6                                   | BTXM đá 1x2 M250 chiều dày 16cm | m3     | 12,01      | =S(ng) x 0,16   |
| 7                                   | Đào rãnh                        | m3     | 17,71      | =(55,34)*0,32   |
| 8                                   | Ván khuôn mặt đường             | m2     | 8,85       | Bản vẽ chi tiết |
| ĐƯỜNG XUỐNG NHÀ DÂN                 |                                 |        |            |                 |
| STT                                 | Hạng mục công việc              | Đơn vị | Khối lượng | Cách tính       |
| 1                                   | Diện tích mặt đường             | m2     | 130,10     | Bản vẽ chi tiết |
| 2                                   | Đắp nền đường                   | m3     | 128,00     | =Sđắp           |
| 3                                   | Lớp giấy dầu                    | m2     | 130,10     | =S(ng)          |
| 4                                   | BTXM đá 1x2 M250 chiều dày 10cm | m3     | 13,01      | =S(ng) x 0,1    |
| 5                                   | Ván khuôn mặt đường             | m2     | 7,69       | Bản vẽ chi tiết |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ

PHÒNG KINH TẾ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KQTB-KT

Ngày.....tháng.....năm 20....

Ký tên:





BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN, MÓNG MẶT ĐƯỜNG  
CÔNG TRÌNH: ĐOÀN ĐƯỜNG DỐC SÍNH THÔN ĐẶK LANG ĐOÀN TỪ ĐẶK ĐẾN NHÀ ÔNG NHƯỢNG  
Địa điểm XD: Xã Quảng Khê, tỉnh Lâm Đồng

| STT | Hạng mục công việc                        | Khối lượng | Đơn vị | Ghi chú              |
|-----|-------------------------------------------|------------|--------|----------------------|
| I   | NỀN, MÓNG MẶT ĐƯỜNG, LỀ ĐƯỜNG             |            |        |                      |
| A   | Nền đường                                 |            |        |                      |
| 1   | - Dọn quang tuyến                         | 87,30      | 100m2  | Xem bảng tính 01     |
| 2   | - Đánh cấp                                | 0,93       | 100m3  | Xem bảng tính 01     |
|     | + Vận chuyển đổ tại 300m                  | 0,93       | 100m3  | Xem bảng tính 01     |
| 3   | - Đào nền đường đất cấp 3                 | 72,98      | 100m3  | Xem bảng tính 01     |
| 4   | - Đào rãnh                                | 5,77       | 100m3  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| 5   | - Vận chuyển đất đào nền tận dụng để đắp. | 78,75      | 100m3  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| 6   | - Đào xúc đất đắp nền còn thiếu           | 4,49       | 100m3  |                      |
| 7   | - Vận chuyển đất đắp nền, cự li 300m      | 4,49       | 100m3  | 72,98+5,77-78,75     |
| 8   | - Lu xữ lý nền đường đào độ chặt K>=0,95  | 40,29      | 100m2  | Xem bảng tính 01     |
| 9   | - Đắp nền K95 đất cấp 3                   | 73,66      | 100m3  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| B   | Móng, mặt đường bê tông xi măng           |            |        |                      |
| 1   | - Móng CPDD dày 12cm đầm chặt K98         | 5,33       | 100m3  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| 2   | - Giấy dầu cách li                        | 45,18      | 100m2  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| 3   | - Ván khuôn mặt đường                     | 4,68       | 100m2  | Xem bảng tính 01+ 02 |
| 5   | - Bê tông mặt đường đá 1x2 M250 dày 16cm  | 715,12     | m3     | Xem bảng tính 01+ 02 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG KHÊ  
PHÒNG KINH TẾ  
ĐÃ THĂM DỊNH  
Theo văn bản số:...../KQTB-KT  
Ngày.....tháng.....năm 20....  
Ký tên:

